

**DANH SÁCH LUẬT SƯ ĐLS THÀNH PHỐ HÀ NỘI CHƯA NỘP
PHÍ THÀNH VIÊN NĂM 2023 + 2024 + 2025 TÍNH ĐẾN NGÀY 10/03/2026**

I. Danh sách luật sư chưa nộp phí trên 18 tháng

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số thẻ LS	Ngày cấp thẻ	Số tiền nợ
1	Tô Đình Hưng	07/02/1973	1069	01/08/2010	3,600,000
2	Vũ Tuyên Hùng	04/08/1958	1261	01/08/2010	3,600,000
3	Kiều Thị Hải Vân	05/08/1972	1311	01/08/2010	3,600,000
4	Đỗ Văn Hiền	19/02/1964	1411	01/08/2010	3,600,000
5	Nguyễn Việt Sơn	13/12/1976	1445	01/08/2010	3,600,000
6	Nguyễn Trọng Hoàn	21/03/1956	1455	01/08/2010	3,600,000
7	Trần Thị Vân Anh	24/07/1974	1456	01/08/2010	3,600,000
8	Lê Văn Nghĩa	12/11/1954	1474	01/08/2010	3,600,000
9	Nguyễn Đăng Khoa	22/01/1970	1479	01/08/2010	3,600,000
10	Lê Quang Thọ	24/06/1983	1515	01/08/2010	3,600,000
11	Khúc Dương Thọ	25/09/1978	1562	01/08/2010	3,600,000
12	Lê Văn Tiến	16/03/1965	1593	01/08/2010	3,600,000
13	Đoàn Tùng Lâm	22/03/1977	1609	01/08/2010	3,600,000
14	Dương Thị Thu Thủy	04/12/1971	1610	01/08/2010	3,600,000
15	Phạm Thị Ngọc	14/06/1977	1638	01/08/2010	3,600,000
16	Lê Chí Kiên	05/03/1975	1646	01/08/2010	3,600,000
17	Khuong Thị Ngọc Quỳnh	26/03/1976	1672	01/08/2010	3,600,000
18	Nguyễn Kim Hiếu	01/01/1973	1673	01/08/2010	3,600,000
19	Nguyễn Minh Thu	04/09/1980	1815	01/08/2010	3,600,000
20	Nguyễn Nam Anh	04/05/1964	1864	01/08/2010	3,600,000
21	Vũ Hồng Thanh	19/09/1977	1869	01/08/2010	3,600,000
22	Bùi Việt Hưng	21/01/1978	1895	01/08/2010	3,600,000
23	Huỳnh Đắc Tiến	04/06/1961	1924	01/08/2010	3,600,000
24	Đỗ Hồng Quân	10/01/1960	1974	01/08/2010	3,600,000
25	Nguyễn Ngọc Sơn	31/12/1975	2020	01/08/2010	3,600,000
26	Bùi Thu Hương	08/09/1975	4732	16/08/2010	3,600,000
27	Nguyễn Thị Minh Thu	16/11/1981	4746	16/08/2010	3,600,000
28	Trần Thị Thanh Hào	23/06/1981	4793	16/08/2010	3,600,000
29	Phạm Văn Phai	05/04/1953	5242	30/08/2010	3,600,000
30	Đinh Thị Lành	22/05/1976	5325	13/09/2010	3,600,000
31	Trần Quốc Toàn	09/05/1972	5625	20/12/2010	3,600,000
32	Hoàng Trọng Thạch	30/12/1979	5633	20/12/2010	3,600,000
33	Trịnh Huy Đức	24/04/1972	5844	10/03/2011	3,600,000
34	Nguyễn Như Trà	30/11/1981	5871	10/03/2011	3,600,000
35	Trần Việt Cường	27/02/1962	5873	25/04/2016	3,600,000
36	Nguyễn Quốc Trường	18/08/1978	6052	20/05/2011	3,600,000
37	Lê Thị Thu Hà	24/05/1979	6059	20/05/2011	3,600,000
38	Đinh Hải Nhật	22/08/1977	6428	25/07/2011	3,600,000
40	Đinh Quang Hà	03/03/1980	6477	25/07/2011	3,600,000

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số thẻ LS	Ngày cấp thẻ	Số tiền nợ
41	Nguyễn Thị Kim Cúc	19/05/1976	6677	10/10/2011	3,600,000
42	Vũ Thế Hợp	28/10/1979	6752	15/12/2011	3,600,000
43	Trần Bình	27/05/1958	6764	15/12/2011	3,600,000
44	Nguyễn Thị Hước	09/04/1984	6769	20/03/2013	3,600,000
45	Phạm Quốc Khánh	02/09/1965	7009	20/02/2012	3,600,000
46	Trần Thanh	06/01/1984	7086	10/04/2012	3,600,000
47	Vũ Đức Thới	20/11/1951	7206	15/07/2012	3,600,000
48	Đàm Thị Hào	16/07/1977	7365	30/10/2012	3,600,000
49	Phạm Huỳnh Công	25/04/1951	7393	30/10/2012	3,600,000
50	Hoàng Văn Anh	07/06/1970	7399	20/06/2023	3,600,000
51	Trịnh Nam Ninh	29/12/1979	7664	01/12/2014	3,600,000
52	Lê Thị Oanh	15/01/1977	7772	05/02/2013	3,600,000
53	Nguyễn Tiến Lự	10/10/1952	7864	12/04/2013	3,600,000
54	Trần Việt Phương	13/12/1975	7904	08/05/2013	3,600,000
55	Nguyễn Thị Hương	22/09/1984	8549	28/11/2013	3,600,000
56	Nguyễn Thị Hào	19/10/1978	8556	18/11/2022	3,600,000
57	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	29/09/1976	8672	09/01/2014	3,600,000
58	Nguyễn Mạnh Thắng	03/04/1953	8686	09/01/2014	3,600,000
59	Trần Thị Lý	07/07/1983	9018	03/09/2025	3,600,000
60	Nguyễn Chí Chung	04/09/1957	9028	07/07/2014	3,600,000
61	Đặng Nhật Minh	12/06/1974	9105	12/08/2014	3,600,000
62	Lâm Văn Đăng	01/03/1966	9114	12/08/2014	3,600,000
63	Chu Đăng Chung	29/12/1975	9288	18/11/2014	3,600,000
64	Lê Đức Minh	01/04/1965	9802	11/05/2015	3,600,000
65	Trần Đình Khánh	19/09/1954	9889	11/05/2015	3,600,000
66	Nguyễn Mạnh Hiền	28/01/1955	10022	30/07/2015	3,600,000
67	Nguyễn Thị Xuyên	21/01/1984	10043	30/07/2015	3,600,000
68	Nguyễn Quang Hương	08/11/1971	10187	27/10/2015	3,600,000
69	Đỗ Thị Hương Giang	07/02/1988	10589	03/02/2016	3,600,000
70	Nguyễn Đức Long	01/02/1968	10594	03/02/2016	3,600,000
71	Nguyễn Kim Khánh	28/08/1984	10633	04/03/2016	3,600,000
72	Võ Ngọc Dao	25/02/1977	10711	12/04/2016	3,600,000
73	Trần Đình Tiến	28/10/1960	10720	12/04/2016	3,600,000
74	Lê Mạnh Hà	16/01/1979	10723	12/04/2016	3,600,000
75	Nguyễn Thành Lâm	16/01/1966	10925	17/06/2016	3,600,000
76	Hoàng Anh Phúc	10/07/1977	11170	18/08/2016	3,600,000
77	Đặng Văn Tuấn	09/11/1990	11176	18/08/2016	3,600,000
78	Nguyễn Thị Nga	15/03/1961	11302	07/10/2016	3,600,000
79	Phạm Thùy Dung	06/10/1984	11451	14/11/2016	3,600,000
80	Đặng Văn Mão	09/11/1987	11683	12/01/2017	3,600,000
81	Hoàng Thị Hải	12/07/1984	12283	31/08/2017	3,600,000
82	Trần Anh Tuấn	26/03/1972	12289	31/08/2017	3,600,000
83	Nguyễn Đức Phương	23/10/1972	12372	22/09/2017	3,600,000
84	Nguyễn Văn Dũng	24/06/1968	12543	10/11/2017	3,600,000
85	Phạm Gia Linh	26/09/1982	12548	10/11/2017	3,600,000
86	Bùi Mạnh Hùng	02/06/1957	12556	10/11/2017	3,600,000

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số thẻ LS	Ngày cấp thẻ	Số tiền nợ
87	Phạm Quang Tuấn	27/06/1959	12560	10/11/2017	3,600,000
88	Nguyễn Duy Minh	30/08/1988	13523	30/07/2018	3,600,000
89	Nguyễn Quốc Hoàn	30/08/1966	13613	28/02/2022	3,600,000
90	Đinh Quang Sơn	18/06/1958	13789	15/11/2018	3,600,000
91	Phạm Văn Thành	20/10/1960	14018	15/01/2019	3,600,000
92	Phan Phương Bắc	01/08/1989	14153	15/03/2019	3,600,000
93	Nguyễn Thị Ngọc	04/03/1985	14162	15/03/2019	3,600,000
94	Lê Xuân Phương	21/09/1962	14296	08/05/2019	3,600,000
95	Nguyễn Thị Liên	30/08/1982	14653	08/08/2019	3,600,000
96	Nguyễn Văn Thắm	09/09/1958	14794	27/09/2019	3,600,000
97	Hoàng Hồng Duyên	30/04/1990	15051	29/11/2019	3,600,000
98	Lê Văn Thắng	24/07/1977	15229	11/02/2020	3,600,000
99	Hoàng Thanh Sơn	10/10/1982	15291	11/02/2020	3,600,000
100	Nguyễn Thị Vân	19/05/1978	15486	30/03/2020	3,600,000
101	Lê Thanh Bình	05/06/1983	15492	30/03/2020	3,600,000
102	Hoàng Thị Lệ Thu	11/10/1974	16853	22/02/2021	3,600,000
103	Lưu Đình Tư	01/03/1978	17476	15/07/2021	3,600,000
104	Nguyễn Quốc Tuấn	30/01/1978	17604	30/09/2021	3,600,000
105	Trương Thị Hồng Nhung	16/05/1993	17702	19/11/2021	3,600,000
106	Đỗ Thị Quỳnh	18/10/1990	18160	20/04/2022	3,600,000
107	Phạm Thị Thúy Hằng	25/01/1976	18198	28/04/2022	3,600,000
108	Lại Anh Tuấn	10/08/1961	18645	12/10/2022	3,600,000
109	Nguyễn Doãn Tuấn	14/04/1966	19590	11/05/2023	3,200,000
110	Nguyễn Phan Hào	01/12/1951	4773	22/02/2021	3,000,000
111	Nguyễn Thị Diệu Hằng	31/10/1974	4775	16/08/2010	3,000,000
112	Nguyễn Huy Hoàng	01/09/1954	5878	10/03/2011	3,000,000
113	Vũ Ngọc Đoàn	01/09/1973	6663	10/10/2011	3,000,000
114	Doãn Thị Minh Châu	19/01/1975	8669	09/01/2014	3,000,000
115	Mai Quỳnh Trang	30/11/1992	12775	31/01/2018	3,000,000
116	Nguyễn Mạnh Cường	03/02/1990	13869	19/11/2018	3,000,000
117	Uông Thị Thanh Diệp	14/08/1975	14779	27/09/2019	3,000,000
118	Bùi Lê Nam	25/05/1982	15258	27/03/2023	3,000,000
119	Phạm Thị Hoài Thương	07/11/1990	19593	11/05/2023	3,000,000
120	Tổng Thị Bích Hồng	17/09/1986	19723	04/07/2023	3,000,000
121	Hoàng Minh Đức	19/12/1977	4809	16/08/2010	2,700,000
122	Đỗ Việt Hải	17/09/1981	17371	18/06/2021	2,700,000
123	Nguyễn Thị Hồng Nhung	09/10/1996	20146	03/10/2023	2,700,000
124	Lê Trung Dũng	15/01/1979	1493	01/08/2010	2,600,000
125	Nguyễn Thị Thảo	18/09/1994	15283	11/02/2020	2,600,000
126	Trần Văn Anh	24/12/1997	19920	08/08/2023	2,500,000
127	Nguyễn Văn Đức	20/02/1962	20313	23/11/2023	2,500,000
128	Vũ Việt Hùng	10/05/1995	20363	23/11/2023	2,500,000
129	Đinh Thùy Dung	15/01/1992	20529	08/12/2023	2,500,000
130	Đỗ Đức Tài	31/12/1995	20552	08/12/2023	2,500,000
131	Lê Văn Hòe	08/11/1976	992	01/08/2010	2,400,000
132	Vì Văn Diên	10/11/1977	1119	01/08/2010	2,400,000

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số thẻ LS	Ngày cấp thẻ	Số tiền nợ
133	Đinh Bá Tuấn	19/10/1977	1214	01/08/2010	2,400,000
134	Lê Anh Tuấn	14/02/1961	1372	01/08/2010	2,400,000
135	Dương Trung Hiếu	30/12/1973	1413	01/08/2010	2,400,000
136	Phan Thị Tuyết	17/10/1972	1453	01/08/2010	2,400,000
137	Nguyễn Thanh Hải	04/06/1973	1495	01/08/2010	2,400,000
138	Nguyễn Thị Thu Hà	10/08/1977	1521	01/08/2010	2,400,000
139	Phạm Thị Mỹ Dung	05/11/1976	1554	01/08/2010	2,400,000
140	Vũ Văn Sáng	26/01/1958	1629	01/08/2010	2,400,000
141	Nguyễn Thị Hoa	25/06/1980	1730	01/08/2010	2,400,000
142	Đào Văn Tuất	22/09/1958	1902	01/08/2010	2,400,000
143	Nguyễn Tiến Huân	21/07/1962	1975	01/08/2010	2,400,000
144	Đỗ Kiều Anh	10/09/1973	1980	01/08/2010	2,400,000
145	Hoàng Ngọc Nam	10/10/1970	2005	01/08/2010	2,400,000
146	Bùi Thị Loan	01/05/1976	4665	16/08/2010	2,400,000
147	Nguyễn Phạm Lương	16/02/1971	4687	16/08/2010	2,400,000
148	Đông Xuân Thụ	05/11/1972	4696	16/08/2010	2,400,000
149	Đinh Vũ Hòa	07/11/1982	4762	09/05/2014	2,400,000
150	Đào Quốc Trung	14/07/1967	4771	16/08/2010	2,400,000
151	Cao Thị Bích Thủy	28/02/1968	4791	16/08/2010	2,400,000
152	Lương Trường Giang	10/01/1983	4827	18/07/2019	2,400,000
153	Trịnh Thị Hường	01/01/1980	5255	30/08/2010	2,400,000
154	Đặng Hữu Sơn	01/12/1981	5349	01/12/2014	2,400,000
155	Nguyễn Hồng Điệp	13/07/1964	5355	24/09/2010	2,400,000
156	Nguyễn Công Tá	08/08/1953	5489	13/06/2019	2,400,000
157	Bùi Thị Thanh Huyền	09/08/1978	5599	19/10/2012	2,400,000
158	Nguyễn Thế Trung	19/04/1982	5881	10/03/2011	2,400,000
159	Vũ Hồng Ngọc	28/07/1972	5991	01/12/2016	2,400,000
160	Nguyễn Đức Hòa	09/07/1975	6034	20/05/2011	2,400,000
161	Trương Quang Cẩn	10/01/1951	6440	25/07/2011	2,400,000
162	Đào Anh Dũng	27/01/1982	6463	25/07/2011	2,400,000
163	Nguyễn Thị Thảo	07/04/1985	6680	10/10/2011	2,400,000
164	Triệu Thị Thanh Hương	29/03/1977	6792	15/12/2011	2,400,000
165	Trần Thanh Hương	25/11/1970	6977	16/01/2012	2,400,000
166	Nguyễn Thị Hiền	09/06/1978	7083	10/04/2012	2,400,000
167	Lê Kiều Hoa	31/03/1978	7153	08/05/2012	2,400,000
168	Hoàng Dương	28/11/1971	7178	08/06/2012	2,400,000
169	Bùi Nguyên Thắng	19/10/1951	7282	21/08/2012	2,400,000
170	Đoàn Thị Lan Anh	22/02/1987	7774	05/02/2013	2,400,000
171	Trần Thị Thái Hòa	26/07/1980	8544	28/11/2013	2,400,000
172	Vũ Văn Huê	11/01/1958	9119	12/08/2014	2,400,000
173	Nguyễn Thị Phương Chung	07/02/1978	9125	12/08/2014	2,400,000
174	Vũ Viết Tự	01/09/1958	9160	07/10/2016	2,400,000
175	Hà Công Tâm	19/05/1983	9287	20/09/2022	2,400,000
176	Hoàng Đình Cẩn	14/09/1975	9419	13/01/2015	2,400,000
177	Nguyễn Duy Hoàn	20/11/1959	9704	31/12/2020	2,400,000
178	Trần Thị Thúy Nga	14/02/1971	9925	25/08/2016	2,400,000

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số thẻ LS	Ngày cấp thẻ	Số tiền nợ
179	Nguyễn Vũ Thu Cúc	21/10/1957	9933	16/09/2019	2,400,000
180	Nguyễn Thị Vân Khanh	22/12/1970	10021	30/07/2015	2,400,000
181	Trần Sỹ Hoàng	18/07/1989	10564	03/02/2016	2,400,000
182	Ngô Thị Thu Hiền	30/08/1984	10571	03/02/2016	2,400,000
183	Đỗ Xuân Đảm	07/01/1973	10947	25/01/2018	2,400,000
184	Nguyễn Văn Hùng	16/01/1987	11309	05/05/2017	2,400,000
185	Phùng Văn Cầu	09/09/1979	11463	14/11/2016	2,400,000
186	Đỗ Mạnh Hùng	30/03/1986	11790	22/03/2017	2,400,000
187	Đồng Nam Đàn	13/10/1982	11793	22/03/2017	2,400,000
188	Đoàn Tử Tích Phước	28/09/1978	11846	11/04/2017	2,400,000
189	Lê Hoàng Lan	19/04/1961	11924	05/05/2017	2,400,000
190	Nguyễn Thị Ngọc Giao	03/03/1987	11994	22/05/2017	2,400,000
191	Đặng Minh Chiến	13/04/1990	12013	22/05/2017	2,400,000
192	Nguyễn Đức Hùng	17/03/1984	12015	22/05/2017	2,400,000
193	Đậu Huy Giang	04/01/1982	12152	21/07/2017	2,400,000
194	Nguyễn Ngọc Đạt	03/11/1985	12696	29/12/2017	2,400,000
195	Lê Ngọc Dũng	02/09/1978	12850	06/02/2018	2,400,000
196	Bùi Thị Nhâm	01/05/1989	12854	06/02/2018	2,400,000
197	Trần Thị Tĩnh	19/11/1987	13064	18/04/2018	2,400,000
198	Lê Ngọc Thắng	27/05/1986	13521	30/07/2018	2,400,000
199	Nguyễn Thị Vân Anh	28/07/1976	13531	30/07/2018	2,400,000
200	Trịnh Ngọc Tuấn	15/04/1989	13746	25/10/2018	2,400,000
201	Châu Thị Minh Chi	28/04/1963	13865	19/11/2018	2,400,000
202	Đồng Văn Vinh	17/09/1986	13906	10/03/2021	2,400,000
203	Nguyễn Thùy Anh	09/02/1993	13991	15/01/2019	2,400,000
204	Từ Thị Thu Huyền	29/04/1978	14008	15/01/2019	2,400,000
205	Lương Quang Ngọc Minh	18/08/1991	14062	20/02/2019	2,400,000
206	Trần Quang	23/11/1987	14155	15/03/2019	2,400,000
207	Trần Văn Luyện	05/01/1960	14464	10/06/2019	2,400,000
208	Phan Bá Dương	08/04/1978	14491	05/07/2019	2,400,000
209	Vũ Thị Kim Dung	25/04/1979	14613	08/08/2019	2,400,000
210	Lê Thanh Hoa	10/07/1965	14644	08/08/2019	2,400,000
211	Dương Trung Kiên	20/05/1994	14784	27/09/2019	2,400,000
212	Trần Ngọc Thắng	26/02/1984	15019	29/11/2019	2,400,000
213	Trần Thị Thương	01/09/1994	15028	29/11/2019	2,400,000
214	Vũ Văn Chương	16/08/1987	15055	29/11/2019	2,400,000
215	Phạm Hải Long	05/10/1990	15253	27/03/2023	2,400,000
216	Nguyễn Thu Hương	05/09/1981	15281	11/02/2020	2,400,000
217	Lâm Thị Trâm Anh	28/09/1994	15288	11/02/2020	2,400,000
218	Hoàng Thị Mỹ Hoa	11/11/1991	15463	30/03/2020	2,400,000
219	Lưu Thị Dung	17/03/1993	15472	30/03/2020	2,400,000
220	Đàm Đức Tâm	24/12/1988	15574	27/05/2020	2,400,000
221	Trần Hoa Xuân	12/12/1991	15802	25/06/2020	2,400,000
222	Lê Anh Ngọc	26/10/1979	15835	25/09/2023	2,400,000
223	Nguyễn Bình Khang	26/02/1959	16001	07/08/2020	2,400,000
224	Nguyễn Thị Cách	21/01/1994	16190	21/09/2020	2,400,000

SU
ÔNG
SU
QUỐC
NAM

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số thẻ LS	Ngày cấp thẻ	Số tiền nợ
225	Nguyễn Thị Phương Hoa	29/05/1994	16358	20/10/2020	2,400,000
226	Lê Anh Tuyên	20/09/1993	16361	20/10/2020	2,400,000
227	Hoàng Việt Hà	19/08/1993	16368	20/10/2020	2,400,000
228	Phạm Thị Dương	30/09/1975	16491	27/11/2020	2,400,000
229	Trần Minh Châu	28/09/1991	16608	08/01/2021	2,400,000
230	Lê Thị Bích Hải	27/09/1989	16846	22/02/2021	2,400,000
231	Bùi Công Dũng	12/10/1994	16850	22/02/2021	2,400,000
232	Lê Quang Minh	24/08/1960	16968	10/03/2021	2,400,000
233	Phạm Ngọc Oanh	20/10/1995	16999	10/03/2021	2,400,000
234	Phương Thị Ngọc Mai	14/10/1992	17067	30/03/2021	2,400,000
235	Đỗ Xuân Tuấn	13/03/1981	17343	09/06/2021	2,400,000
236	Nguyễn Thị Mỹ	25/05/1992	17500	15/07/2021	2,400,000
237	Phạm Thị Vân Anh	05/07/1994	17582	14/09/2021	2,400,000
238	Lê Văn Thuần	28/06/1977	18029	28/02/2022	2,400,000
239	Đặng Văn Quân	12/06/1984	18176	20/04/2022	2,400,000
240	Phạm Thị Nga	28/06/1992	18212	28/04/2022	2,400,000
241	Phạm Thị Như Quỳnh	14/11/1995	18270	07/06/2022	2,400,000
242	Phạm Thị Hương	04/07/1988	18272	07/06/2022	2,400,000
243	Đỗ Thị Minh Thu	01/04/1995	18382	06/07/2022	2,400,000
244	Nguyễn Thị Bích Ngọc	06/08/1996	18388	06/07/2022	2,400,000
245	Phạm Thị Trang	23/11/1991	18392	06/07/2022	2,400,000
246	Trịnh Văn Dũng	02/02/1989	18640	12/10/2022	2,400,000
247	Nguyễn Thị Thủy	22/10/1993	18772	03/11/2022	2,400,000
248	Cao Thị Nhung	12/10/1984	18906	05/12/2022	2,400,000
249	Phạm Đình Tú	27/06/1991	19063	10/01/2023	2,400,000
250	Ngô Thị Nhân	18/12/1995	19250	13/03/2023	2,400,000
251	Bùi Văn Dự	05/06/1993	19395	06/04/2023	2,400,000
252	Vũ Ngọc Quang	24/09/1996	19936	08/08/2023	2,400,000
253	Nguyễn Thị Hiếu	03/07/1970	20062	25/09/2023	2,400,000
254	Dương Đức Tâm	13/01/1990	11294	07/10/2016	2,300,000
255	Kim Thị Thủy	18/02/1993	20774	01/02/2024	2,300,000
256	Hoàng Thị Phương Lan	06/07/1996	19261	13/03/2023	2,100,000
257	Lưu Toàn Nghĩa	01/01/1963	20834	18/03/2024	2,100,000
258	Nguyễn Văn Hùng	13/09/1967	21326	10/06/2024	1,900,000
259	Trần Đức Phong	04/11/1962	21334	10/06/2024	1,900,000
260	Trần Minh Khôi	18/10/1959	1300	01/08/2010	1,800,000
261	Nguyễn Văn Thắng	16/10/1968	1327	01/08/2010	1,800,000
262	Nguyễn Văn Học	12/04/1977	1415	25/03/2025	1,800,000
263	Tạ Hồng Nhung	13/08/1972	1582	01/08/2010	1,800,000
264	Nguyễn Đức Toàn	02/08/1974	1633	01/08/2010	1,800,000
265	Lâm Vương Sơn	27/12/1962	1670	21/07/2017	1,800,000
266	Mai Xuân Hải	15/07/1949	1747	01/08/2010	1,800,000
267	Dương Thanh Thủy	25/03/1960	1771	01/08/2010	1,800,000
268	Trần Anh Tuấn	26/06/1978	1860	01/08/2010	1,800,000
269	Hoàng Minh Quân	07/11/1976	1912	01/08/2010	1,800,000
270	Phùng Diệu Linh	15/09/1980	1917	01/08/2010	1,800,000

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số thẻ LS	Ngày cấp thẻ	Số tiền nợ
271	Nguyễn Trọng Hiệp	13/06/1978	1958	01/08/2010	1,800,000
272	Nguyễn Minh Đức	12/04/1980	1967	01/08/2010	1,800,000
273	Phạm Văn Tiến	19/03/1976	2044	01/08/2010	1,800,000
274	Nguyễn Thị Phương Lan	06/06/1980	2072	07/10/2016	1,800,000
275	Lê Thị Hiền Lương	15/08/1979	4459	03/11/2022	1,800,000
276	Phạm Ngọc Nam	10/11/1981	4644	16/08/2010	1,800,000
277	Nguyễn Tuấn Dũng	26/12/1974	4652	16/08/2010	1,800,000
278	Trần Việt Hùng	09/11/1959	4655	16/08/2010	1,800,000
279	Nguyễn Duy Hưng	16/08/1978	4682	16/08/2010	1,800,000
280	Nguyễn Thanh Tùng	23/07/1977	4760	16/08/2010	1,800,000
281	Bùi Thị Khánh Hòa	10/05/1982	4825	25/04/2016	1,800,000
282	Phùng Văn Thoại	18/03/1978	5322	13/09/2010	1,800,000
283	Tạ Anh Tuấn	21/07/1973	5454	29/10/2010	1,800,000
284	Hoàng Việt	05/08/1964	5504	22/11/2010	1,800,000
285	Hồ Ngọc Hải	09/08/1976	5977	30/03/2011	1,800,000
286	Huỳnh Thanh Tùng	07/07/1965	6468	25/07/2011	1,800,000
287	Nguyễn Xuân Thủy	22/09/1979	6494	10/09/2011	1,800,000
288	Lưu Xuân Hoàn	01/11/1980	6676	10/10/2011	1,800,000
289	Đào Việt Hà	15/11/1971	6779	15/12/2011	1,800,000
290	Lý Thu Trang	29/01/1977	7087	10/04/2012	1,800,000
291	Trần Văn Giang	05/01/1978	7858	12/04/2013	1,800,000
292	Nguyễn Ngọc Kiên	21/07/1984	7888	08/05/2013	1,800,000
293	Phùng Văn Hiếu	09/10/1980	7901	08/05/2013	1,800,000
294	Vũ Thị Nhung	06/11/1977	8116	06/08/2013	1,800,000
295	Nông Thị Mai Hương	21/05/1985	8930	22/05/2014	1,800,000
296	Nguyễn Hoàng Hiệp	25/01/1989	8954	22/05/2014	1,800,000
297	Phạm Xuân Tú	06/08/1982	9121	08/10/2024	1,800,000
298	Nguyễn Văn Trường	10/04/1976	9129	12/08/2014	1,800,000
299	Nhâm Mạnh Hà	11/07/1975	9202	16/09/2015	1,800,000
300	Lê Văn Trung	25/08/1983	9402	13/01/2015	1,800,000
301	Nguyễn Hữu Bình	27/03/1958	9812	11/05/2015	1,800,000
302	Huỳnh Quốc Hùng	05/04/1956	9824	11/05/2015	1,800,000
303	Nguyễn Anh Văn	26/05/1987	10012	30/07/2015	1,800,000
304	Nguyễn Tuấn Ngọc	12/07/1988	10013	30/07/2015	1,800,000
305	Đoàn Trung Hiếu	10/06/1985	10081	25/08/2015	1,800,000
306	Nguyễn Thị Hải Yến	05/05/1974	10165	09/10/2015	1,800,000
307	Lê Hồng Ngọc	05/05/1988	10218	18/11/2015	1,800,000
308	Hoàng Tuấn Anh	01/11/1989	10232	18/11/2015	1,800,000
309	Nguyễn Văn Định	11/10/1978	10578	03/02/2016	1,800,000
310	Phạm Hoàng Trang	21/09/1985	10622	04/03/2016	1,800,000
311	Nguyễn Kim Anh	19/05/1985	10623	04/03/2016	1,800,000
312	Đỗ Đăng Hải	25/06/1985	10714	12/04/2016	1,800,000
313	Lê Hồng Quân	08/04/1988	10933	17/06/2016	1,800,000
314	Phạm Thị Hoàn Liễu	25/09/1990	11184	18/08/2016	1,800,000
315	Đinh Văn Dương	03/06/1987	11834	11/04/2017	1,800,000
316	Bùi Khang	05/11/1960	11838	11/04/2017	1,800,000

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số thẻ LS	Ngày cấp thẻ	Số tiền nợ
317	Phạm Ngọc Hà	14/12/1984	11840	11/04/2017	1,800,000
318	Lê Đình Sỹ	08/07/1988	11954	05/05/2017	1,800,000
319	Long Xuân Thi	08/10/1990	12558	12/12/2022	1,800,000
320	Phạm Bá Trường	12/08/1991	12923	25/08/2021	1,800,000
321	Trần Trà Linh	22/08/1989	13076	18/04/2018	1,800,000
322	Hoàng Việt Hùng	22/11/1979	13089	15/01/2021	1,800,000
323	Nguyễn Văn Hoàng	19/07/1992	13090	18/04/2018	1,800,000
324	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	28/07/1991	13630	13/09/2018	1,800,000
325	Đỗ Việt Tuấn	28/07/1992	13870	19/11/2018	1,800,000
326	Nguyễn Xuân Bắc	30/06/1960	13988	15/01/2019	1,800,000
327	Nguyễn Thị Hải Lý	18/03/1983	14507	05/07/2019	1,800,000
328	Lê Thị Thủy	08/07/1979	14612	08/08/2019	1,800,000
329	Lê Văn Hợp	20/02/1958	14848	14/10/2019	1,800,000
330	Tô Minh Tiên	28/06/1992	14984	11/02/2022	1,800,000
331	Trịnh Ngọc Tùng	10/08/1979	15238	11/02/2020	1,800,000
332	Đào Trung Kiên	15/10/1993	15276	11/02/2020	1,800,000
333	Đinh Quý Đôn	10/01/1989	15290	11/02/2020	1,800,000
334	Đinh Đồng Vang	21/04/1989	15575	02/07/2021	1,800,000
335	Lưu Thúy Hòa	10/09/1991	15582	27/05/2020	1,800,000
336	Đắc Thị Liễu	10/09/1994	16207	21/09/2020	1,800,000
337	Nguyễn Thị Dưỡng	10/08/1988	16385	20/10/2020	1,800,000
338	Dương Đức Long	25/12/1988	16561	31/12/2020	1,800,000
339	Nguyễn Đức Cường	25/11/1960	16572	31/12/2020	1,800,000
340	Lê Trọng Đạt	05/12/1994	16842	22/02/2021	1,800,000
341	Trịnh Văn Đông	14/05/1971	17563	14/09/2021	1,800,000
342	Đinh Trần Nhật Minh	19/12/1991	17605	08/10/2024	1,800,000
343	Lê Hồng Nam	19/12/1989	18007	11/02/2022	1,800,000
344	Nguyễn Văn Nhung	05/10/1959	18177	20/04/2022	1,800,000
345	Trần Thị Huệ	14/10/1986	18178	20/04/2022	1,800,000
346	Phạm Thanh Nghị	24/10/1963	18208	28/04/2022	1,800,000
347	Trịnh Thị Thùy Liên	16/11/1993	18288	07/06/2022	1,800,000
348	Vũ Quốc Hòa	25/05/1990	18385	06/07/2022	1,800,000
349	Đinh Trọng Nghĩa	10/07/1961	18551	05/09/2022	1,800,000
350	Đặng Xuân Chinh	15/05/1984	18632	12/10/2022	1,800,000
351	Lê Thị Khánh Linh	20/04/1995	18637	12/01/2023	1,800,000
352	Nguyễn Giang Thiêm	14/03/1983	18641	12/10/2022	1,800,000
353	Trần Văn Thiện	02/08/1983	18647	12/10/2022	1,800,000
354	Lò Văn Panh	29/08/1992	18672	12/10/2022	1,800,000
355	Dương Thị Lê	21/09/1994	18919	05/12/2022	1,800,000
356	Nguyễn Ngọc Anh	20/01/1986	18926	05/12/2022	1,800,000
357	Phạm Thị Nga	02/09/1996	18929	05/12/2022	1,800,000
358	Phạm Thị Chinh	25/10/1995	19231	13/03/2023	1,800,000
359	Vũ Xuân Minh	01/01/1978	19726	04/07/2023	1,800,000

II. Danh sách luật sư chưa nộp phí dưới 18 tháng

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số thẻ LS	Ngày cấp thẻ	Số tiền nợ
1	Dương Kiều Anh	03/06/1997	21513	18/07/2024	1,700,000
2	Lương Việt Hà	17/07/1968	21528	18/07/2024	1,700,000
3	Nguyễn Thị Hồng	02/10/1992	21534	18/07/2024	1,700,000
4	Dương Thị Hồng Nhung	31/12/1993	21550	18/07/2024	1,700,000
5	Ngô Thùy Linh	18/07/1998	21565	18/07/2024	1,700,000
6	Nguyễn Thị Thu Chang	08/05/1997	21736	13/08/2024	1,700,000
7	Tổng Thị Thúy Hòa	08/09/1995	21749	13/08/2024	1,700,000
8	Nguyễn Nghiêm Dân	23/07/1976	1680	01/08/2010	1,600,000
9	Tăng Hồng Vũ	28/02/1983	7095	10/04/2012	1,600,000
10	Nguyễn Hải Thành Trì	10/04/1950	6778	15/12/2011	1,500,000
11	Lê Thị Lý	18/03/1991	17507	15/07/2021	1,500,000
12	Nguyễn Mạnh Đức	05/10/1995	21917	17/09/2024	1,500,000
13	Trương Đức Long	16/03/1963	21938	17/09/2024	1,500,000
14	Lê Thị Thương	01/09/1992	21952	17/09/2024	1,500,000
15	Đặng Quỳnh Trang	04/07/1990	14907	11/11/2019	1,400,000
16	Nguyễn Thanh Điều	12/05/1966	19123	23/02/2023	1,400,000
17	Trịnh Thị Minh Hồng	08/11/1984	22132	21/10/2024	1,400,000
18	Đinh Thị Thêu	10/12/1993	22167	21/10/2024	1,400,000
19	Linh Thị Chinh	19/09/1996	22321	15/11/2024	1,400,000
20	Nguyễn Thị Được	10/05/1981	22327	15/11/2024	1,400,000
21	Nguyễn Thị Huệ	20/06/1996	22337	15/11/2024	1,400,000
22	Trần Hoàng Linh	02/10/1998	22346	15/11/2024	1,400,000
23	Phạm Thị Phương Ngân	05/11/1991	22351	15/11/2024	1,400,000
24	Bùi Bảo Ngọc	18/12/1990	22354	15/11/2024	1,400,000
25	Phạm Minh Tân	27/10/1980	22363	15/11/2024	1,400,000
26	Lê Thị Trâm	19/07/1992	22371	15/11/2024	1,400,000
27	Hoàng Thị Quỳnh Trang	15/10/1997	22372	15/11/2024	1,400,000
28	Đinh Thị Hồng Vinh	23/08/1988	22378	15/11/2024	1,400,000
29	Nguyễn Thị Thục Oanh	21/02/1949	1536	01/08/2010	1,300,000
30	Nguyễn Thị Kim Anh	13/01/1986	16233	10/01/2023	1,300,000
31	Trần Thị Thu Trang	03/10/1983	19240	13/03/2023	1,300,000
32	Nguyễn Thị Mỹ Hoa	31/01/1993	19266	13/03/2023	1,300,000
33	Phạm Linh Chi	29/03/1996	19409	06/04/2023	1,300,000
34	Phạm Như Tùng	01/04/1994	20359	23/11/2023	1,300,000
35	Trịnh Thị Hương	20/03/1994	20536	08/12/2023	1,300,000
36	Nguyễn Ngọc Trung	24/10/1992	20561	08/12/2023	1,300,000
37	Nguyễn Văn Việt	02/04/1983	291	23/11/2023	1,200,000
38	Lê Đăng Thọ	02/09/1960	1109	01/08/2010	1,200,000
39	Nguyễn Quỳnh Liên	02/09/1951	1139	01/08/2010	1,200,000
40	Nguyễn Văn Lục	25/04/1952	1148	01/08/2010	1,200,000
41	Bùi Xuân Thắng	08/05/1973	1152	01/08/2010	1,200,000
42	Lê Hồng Phúc	17/11/1970	1153	01/08/2010	1,200,000
43	Nguyễn Tôn Đạo	19/06/1968	1241	01/08/2010	1,200,000

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số thẻ LS	Ngày cấp thẻ	Số tiền nợ
44	Nguyễn Ngọc Giang	23/04/1976	1244	11/11/2019	1,200,000
45	Hồ Thị Thu Hà	15/03/1972	1257	01/08/2010	1,200,000
46	Đào Hoàng Thắng	04/11/1974	1289	01/08/2010	1,200,000
47	Trần Thị Ánh Hồng	10/11/1976	1295	01/08/2010	1,200,000
48	Hoàng Thanh Hà	24/11/1971	1307	01/08/2010	1,200,000
49	Nguyễn Thị Thủy	05/12/1961	1308	01/08/2010	1,200,000
50	Dương Thị Ngọc Chiến	17/07/1966	1313	01/08/2010	1,200,000
51	Đỗ Viết Hùng	22/12/1976	1319	01/08/2010	1,200,000
52	Lê Thanh Sơn	07/04/1962	1326	01/08/2010	1,200,000
53	Phạm Thị Nguyên Anh	20/02/1983	1364	01/08/2010	1,200,000
54	Vũ Thị Thoa	01/04/1980	1383	01/08/2010	1,200,000
55	Nguyễn Gia Long	21/05/1977	1412	01/08/2010	1,200,000
56	Nguyễn Thế Hùng	10/01/1969	1443	25/03/2025	1,200,000
57	Lương Thị Thu	25/10/1973	1485	01/08/2010	1,200,000
58	Nguyễn Văn Dũng	12/01/1977	1534	01/08/2010	1,200,000
59	Lê Văn Kiên	26/06/1978	1544	15/05/2013	1,200,000
60	Trần Thị Tình	20/04/1981	1551	01/08/2010	1,200,000
61	Lý Quang Long	15/11/1976	1570	01/08/2010	1,200,000
62	Đặng Văn Minh	07/07/1956	1607	01/08/2010	1,200,000
63	Nguyễn Thị Bạch Tuyết	12/10/1978	1632	06/08/2013	1,200,000
64	Lưu Tú Anh	24/02/1979	1642	01/08/2010	1,200,000
65	Trần Thu Nam	13/09/1976	1661	25/06/2014	1,200,000
66	Hoàng Ngọc Thành	25/06/1956	1684	01/08/2010	1,200,000
67	Trịnh Minh Hằng	16/08/1973	1722	01/08/2010	1,200,000
68	Đặng Thị Tân Mai	30/10/1976	1734	08/08/2017	1,200,000
69	Nguyễn Tổ Lan	07/03/1960	1797	01/08/2010	1,200,000
70	Hoàng Đạo	12/07/1981	1870	01/08/2010	1,200,000
71	Bùi Minh Thu	25/04/1980	1899	01/08/2010	1,200,000
72	Trần Văn Thi	03/04/1981	1918	27/04/2022	1,200,000
73	Đỗ Văn Đức	04/07/1962	1957	01/08/2010	1,200,000
74	Vũ Thị Việt Hà	30/08/1972	1960	01/08/2010	1,200,000
75	Trần Thị Việt Hà	28/06/1981	1965	01/08/2010	1,200,000
76	Phan Tùng Lâm	15/07/1964	1999	24/06/2022	1,200,000
77	Nguyễn Mạnh Tuấn	06/02/1963	2014	11/05/2015	1,200,000
78	Nguyễn Thị Bích Diệp	23/06/1975	2019	01/08/2010	1,200,000
79	Nguyễn Sơn Trung	11/04/1975	2068	24/09/2010	1,200,000
80	Nguyễn Xuân Công	10/06/1978	4128	16/01/2012	1,200,000
81	Phan Hữu Cường	26/04/1981	4569	18/11/2014	1,200,000
82	Nguyễn Ngọc Sang	13/04/1979	4646	16/08/2010	1,200,000
83	Nguyễn Chí Khương	20/07/1985	4690	16/08/2010	1,200,000
84	Lê Ngọc Sơn	24/04/1975	4720	16/08/2010	1,200,000
85	Trần Thị Hằng Nga	30/11/1977	4731	16/08/2010	1,200,000
86	Lê Quang Vinh	02/03/1969	4739	16/08/2010	1,200,000
87	Phạm Minh Trí	29/09/1973	4765	08/10/2024	1,200,000
88	Nguyễn Thị Cúc	07/10/1974	4768	16/08/2010	1,200,000
89	Đỗ Đức Thọ	29/12/1977	4769	16/08/2010	1,200,000

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số thẻ LS	Ngày cấp thẻ	Số tiền nợ
90	Hoàng Ngọc	15/05/1976	4779	01/10/2018	1,200,000
91	Khuất Thu Quyên	06/08/1982	4780	16/08/2010	1,200,000
92	Phạm Thanh Sơn	23/02/1975	4782	05/11/2024	1,200,000
93	Trần Đình Triển	02/05/1959	4795	16/08/2010	1,200,000
94	Nguyễn Ngọc Tuyên	20/02/1979	4817	16/08/2010	1,200,000
95	Lê Quốc Đạt	09/08/1968	5235	30/11/2012	1,200,000
96	Đặng Thị Minh	02/06/1975	5247	30/08/2010	1,200,000
97	Đặng Đức Hưng	17/12/1977	5345	24/09/2010	1,200,000
98	Lê Thị Định	13/12/1979	5451	29/10/2010	1,200,000
99	Phạm Ngọc Hoàng	11/05/1974	5452	29/10/2010	1,200,000
100	Nguyễn Quý Long	03/08/1980	5501	22/11/2010	1,200,000
101	Đoàn Quốc Hùng	08/12/1975	5515	22/11/2010	1,200,000
102	Ngô Ngọc Diễm	13/02/1976	5567	28/05/2025	1,200,000
103	Nguyễn Quốc Việt	14/05/1957	5612	20/12/2010	1,200,000
104	Nguyễn Đức Trang	12/12/1976	5621	20/12/2010	1,200,000
105	Trần Anh Dũng	04/10/1978	5628	20/12/2010	1,200,000
106	Vũ Hoàn Long	05/05/1974	5630	18/06/2018	1,200,000
107	Phạm Thị Hồng Vân	12/03/1983	5823	19/03/2018	1,200,000
108	Trần Thị Ngọc Hiếu	07/03/1976	5842	10/03/2011	1,200,000
109	Nguyễn Thị Vân Anh	27/06/1974	5853	10/03/2011	1,200,000
110	Trần Anh Tuấn	04/09/1973	5864	10/03/2011	1,200,000
111	Hoàng Thị Phương Thu	14/10/1980	5966	30/03/2011	1,200,000
112	Nguyễn Ngọc Hưng	18/11/1975	5980	30/03/2011	1,200,000
113	Nguyễn Hải Lăng	14/04/1975	5981	30/03/2011	1,200,000
114	Lê Văn Tú	14/04/1982	6046	20/05/2011	1,200,000
115	Lê Kinh Hải	16/09/1976	6051	20/05/2011	1,200,000
116	Trương Khắc Dũng	20/09/1977	6434	25/07/2011	1,200,000
117	Nguyễn Thị Vân Hoài	11/12/1973	6461	25/07/2011	1,200,000
118	Nguyễn Khắc Dũng	30/06/1982	6464	07/01/2022	1,200,000
119	Hoàng Thị Lan Anh	02/09/1985	6467	25/07/2011	1,200,000
120	Nguyễn Phương Sử	06/07/1966	6470	25/07/2011	1,200,000
121	Trần Thị Thơm	16/07/1983	6479	25/07/2011	1,200,000
122	Vũ Thị Thanh Nga	30/08/1978	6656	10/10/2011	1,200,000
123	Trần Kim Dung	02/11/1965	6687	10/10/2011	1,200,000
124	Nguyễn Thị Nga	12/01/1980	6766	15/12/2011	1,200,000
125	Vũ Tuấn Minh	28/05/1970	6808	15/12/2011	1,200,000
126	Hoàng Quốc Vương	23/01/1978	6952	16/01/2012	1,200,000
127	Đinh Văn Trường	12/03/1981	7004	20/02/2012	1,200,000
128	Nguyễn Việt Anh	09/04/1974	7005	20/02/2012	1,200,000
129	Trần Huy Nam	21/01/1986	7006	20/02/2012	1,200,000
130	Trần Anh Dũng	12/11/1983	7089	10/04/2012	1,200,000
131	Nguyễn Phạm Minh	01/04/1967	7092	10/04/2012	1,200,000
132	Nguyễn Ngọc Duy	21/11/1982	7097	10/04/2012	1,200,000
133	Phạm Thanh Thủy	02/04/1980	7102	10/04/2012	1,200,000
134	Nguyễn Anh Tuấn	26/06/1961	7181	08/06/2012	1,200,000
135	Bùi Văn Quang	14/06/1980	7203	15/07/2012	1,200,000

ỦY
HỘI
LƯU
TOÀN

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số thẻ LS	Ngày cấp thẻ	Số tiền nợ
136	Vũ Cao Kỳ	03/06/1977	7280	21/08/2012	1,200,000
137	Thân Trọng Trường	29/10/1972	7315	01/10/2012	1,200,000
138	Nguyễn Thị Ngọc Hà	18/02/1982	7350	17/10/2012	1,200,000
139	Nguyễn Văn Việt	01/02/1975	7371	30/10/2012	1,200,000
140	Mai Thị Thắng	03/09/1957	7377	30/10/2012	1,200,000
141	Nguyễn Thị Lan Anh	27/10/1985	7382	30/10/2012	1,200,000
142	Nguyễn Thị Bích Vân	03/11/1956	7388	19/10/2012	1,200,000
143	Bùi Văn Đức	18/04/1976	7392	30/10/2012	1,200,000
144	Nguyễn Thị Lân	13/12/1985	7394	30/10/2012	1,200,000
145	Nguyễn Trọng Hoàng	09/01/1978	7395	30/10/2012	1,200,000
146	Vũ Thị Thảo	11/04/1983	7397	30/10/2012	1,200,000
147	Nguyễn Thị Thanh Hiền	07/03/1979	7539	30/11/2012	1,200,000
148	Nguyễn Mạnh Hùng	20/03/1980	7557	30/11/2012	1,200,000
149	Nguyễn Hồng Anh	05/06/1978	7652	28/12/2012	1,200,000
150	Nguyễn Huy Hoàng	08/12/1974	7655	28/12/2012	1,200,000
151	Cao Thị Loan	19/03/1984	7657	28/12/2012	1,200,000
152	Nguyễn Việt Hà	03/09/1973	7667	28/12/2012	1,200,000
153	Bùi Thị Minh Hiếu	30/10/1985	7775	05/02/2013	1,200,000
154	Nguyễn Thị Hương Giang	30/10/1981	7849	12/04/2013	1,200,000
155	Phan Tuyết Mai	22/10/1980	7852	12/04/2013	1,200,000
156	Phạm Quang Huy	13/04/1983	7977	04/06/2013	1,200,000
157	Nguyễn Thị Thảo	02/11/1967	8044	28/06/2013	1,200,000
158	Dương Xuân Thìn	24/01/1952	8045	28/06/2013	1,200,000
159	Đào Thị Hải	10/12/1982	8123	06/08/2013	1,200,000
160	Dương Thành Tâm	09/09/1984	8133	06/08/2013	1,200,000
161	Đỗ Trọng Linh	05/10/1974	8145	06/08/2013	1,200,000
162	Hoàng Văn Sơn	12/09/1979	8146	06/08/2013	1,200,000
163	Trung Thị Kim Anh	26/01/1972	8374	16/09/2013	1,200,000
164	Ngô Văn Nam	01/01/1964	8451	15/10/2013	1,200,000
165	Tạ Hồng Phong	15/03/1986	8498	04/11/2013	1,200,000
166	Lê Thị Thanh	21/01/1983	8505	04/11/2013	1,200,000
167	Đỗ Xuân Đăng	10/10/1980	8552	28/11/2013	1,200,000
168	Phùng Quốc Anh	18/01/1960	8554	28/11/2013	1,200,000
169	Nguyễn Thị Ái Phương	13/09/1987	8660	31/08/2017	1,200,000
170	Hoàng Hữu Sơn	14/03/1964	8670	09/01/2014	1,200,000
171	Võ Thị Tuyết Nhung	04/05/1956	8691	09/01/2014	1,200,000
172	Nguyễn Thị Thúy Chung	23/10/1987	8758	18/03/2014	1,200,000
173	Đào Thị Hằng	28/12/1985	8777	18/03/2014	1,200,000
174	Nguyễn Duy Khánh	14/09/1981	8913	22/05/2014	1,200,000
175	Nguyễn Văn Vạn	02/10/1978	8917	22/05/2014	1,200,000
176	Nguyễn Văn Đạt	25/06/1983	8918	22/05/2014	1,200,000
177	Trần Thu Hằng	23/02/1978	8928	22/05/2014	1,200,000
178	Đặng Quang Phương	12/08/1953	8980	05/06/2014	1,200,000
179	Lê Thị Minh Hiền	05/05/1973	8983	05/06/2014	1,200,000
180	Nguyễn Minh Hải	17/01/1985	8988	07/01/2022	1,200,000
181	Nguyễn Xuân Nam	24/12/1979	9014	07/07/2014	1,200,000

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số thẻ LS	Ngày cấp thẻ	Số tiền nợ
182	Nguyễn Duy Hùng	19/03/1983	9019	05/03/2021	1,200,000
183	Hoàng Đức Hòa	21/10/1987	9020	07/07/2014	1,200,000
184	Nguyễn Đình Lâm	01/03/1981	9131	12/08/2014	1,200,000
185	Lê Thị Thu Thủy	21/10/1978	9132	12/08/2014	1,200,000
186	Lưu Thiệu Đào	10/05/1952	9133	12/08/2014	1,200,000
187	Trần Xuân Thọ	28/06/1957	9138	12/08/2014	1,200,000
188	Trương Quang Dũng	24/04/1975	9301	18/11/2014	1,200,000
189	Nguyễn Thanh Hòe	15/08/1956	9397	31/12/2014	1,200,000
190	Phan Thị Hồng Hạnh	01/01/1987	9406	13/01/2015	1,200,000
191	Lê Văn Luân	27/11/1985	9427	13/01/2015	1,200,000
192	Đặng Thanh Bình	29/01/1978	9700	06/03/2015	1,200,000
193	Phạm Văn Minh	30/07/1977	9701	06/03/2015	1,200,000
194	Nguyễn Lê Trâm	14/08/1974	9705	06/03/2015	1,200,000
195	Nguyễn Anh Dũng	29/07/1977	9806	05/07/2018	1,200,000
196	Trần Bá Lực	08/11/1980	9807	11/05/2015	1,200,000
197	Vũ Anh Đức	29/04/1985	9829	11/05/2015	1,200,000
198	Lê Thị Thu	07/11/1987	9908	19/06/2015	1,200,000
199	Trần Đông A	12/11/1986	9913	19/06/2015	1,200,000
200	Nguyễn Chí Tiến	08/10/1974	9934	19/06/2015	1,200,000
201	Trần Thị Loan	01/08/1988	9975	18/06/2020	1,200,000
202	Nguyễn Thị Thủy	29/05/1977	10004	21/07/2015	1,200,000
203	Lại Thị Trang	08/07/1986	10018	07/08/2019	1,200,000
204	Mai Đức Hà	06/06/1959	10024	30/07/2015	1,200,000
205	Vũ Văn Nho	28/07/1983	10028	22/02/2021	1,200,000
206	Bùi Ngọc Sơn	21/09/1987	10079	25/08/2015	1,200,000
207	Nguyễn Thanh Bình	23/01/1988	10084	25/08/2015	1,200,000
208	Phạm Thị Thủy	28/10/1981	10088	25/08/2015	1,200,000
209	Nguyễn Thu Hương	30/06/1986	10160	20/02/2019	1,200,000
210	Lưu Thị Hiền	10/12/1984	10223	18/11/2015	1,200,000
211	Phạm Minh Chi	27/03/1986	10243	18/11/2015	1,200,000
212	Phạm Thị Thu	17/12/1979	10333	08/01/2016	1,200,000
213	Đào Thị Dung	17/11/1987	10340	08/01/2016	1,200,000
214	Trịnh Mạnh Quỳnh	21/04/1989	10379	15/07/2021	1,200,000
215	Lê Thị Thu Huyền	31/07/1976	10554	03/02/2016	1,200,000
216	Nguyễn Thu Huệ	04/10/1986	10579	03/02/2016	1,200,000
217	Nguyễn Văn Dương	20/08/1989	10590	03/02/2016	1,200,000
218	Đỗ Mạnh Linh	06/07/1989	10592	07/01/2022	1,200,000
219	Phạm Hoàng Phương	18/08/1986	10626	04/03/2016	1,200,000
220	Bùi Văn Sơn	17/06/1976	10630	04/03/2016	1,200,000
221	Dương Tuấn Ngọc	04/10/1955	10635	04/03/2016	1,200,000
222	Hà Như Khuê	02/03/1955	10715	12/04/2016	1,200,000
223	Nguyễn Thị Trang Nhung	26/01/1989	10718	12/04/2016	1,200,000
224	Trần Thị Thùy Dung	24/10/1985	10726	12/04/2016	1,200,000
225	Trần Khánh Tuyết	02/09/1986	10728	12/04/2016	1,200,000
226	Nguyễn Thị Thu Phương	18/11/1983	10896	25/10/2018	1,200,000
227	Lê Quốc Nhị	12/09/1961	10914	17/06/2016	1,200,000

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số thẻ LS	Ngày cấp thẻ	Số tiền nợ
228	Nguyễn Thế Anh	19/08/1980	10922	01/11/2021	1,200,000
229	Trần Văn Tư	19/04/1990	10934	17/06/2016	1,200,000
230	Nguyễn Hồng Quân	09/09/1989	10940	17/06/2016	1,200,000
231	Nguyễn Quang Hưng	02/06/1974	10943	17/06/2016	1,200,000
232	Đặng Thị Tâm	18/05/1982	10956	29/11/2019	1,200,000
233	Đỗ Đức Anh	15/05/1975	11079	19/07/2016	1,200,000
234	Lưu Thị Kim Thanh	13/03/1988	11100	19/07/2016	1,200,000
235	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	03/02/1986	11102	19/07/2016	1,200,000
236	Nguyễn Thị Phương Thảo	06/10/1982	11138	03/11/2022	1,200,000
237	Nguyễn Văn Thân	25/05/1980	11173	18/08/2016	1,200,000
238	Trương Thị Thu Hà	23/10/1979	11178	18/08/2016	1,200,000
239	Phạm Quang Lực	01/10/1953	11188	19/11/2020	1,200,000
240	Trần Xuân Bình	15/12/1982	11273	27/09/2019	1,200,000
241	Cao Thiêt Hùng	30/10/1967	11278	07/10/2016	1,200,000
242	Nguyễn Tất Tuấn	14/08/1977	11296	07/10/2016	1,200,000
243	Giáp Văn Phương	24/07/1991	11452	14/11/2016	1,200,000
244	Phạm Đình Tùng	06/08/1988	11460	19/04/2022	1,200,000
245	Đoàn Thị Liên Hương	30/12/1972	11462	14/11/2016	1,200,000
246	Đào Tuấn Khôi	04/12/1967	11464	14/11/2016	1,200,000
247	Phạm Tuấn Khôi	28/03/1983	11706	08/02/2017	1,200,000
248	Vũ Thị Trâm Huyền	20/07/1975	11801	22/03/2017	1,200,000
249	Trần Phương Anh	12/08/1989	11835	11/04/2017	1,200,000
250	Phan Kế Hiền	22/04/1983	11839	11/04/2017	1,200,000
251	Lê Hữu Linh	15/09/1988	11844	11/04/2017	1,200,000
252	Đỗ Văn Điệp	09/08/1989	11933	05/05/2017	1,200,000
253	Bùi Thị Hồng Dương	17/12/1991	11951	05/05/2017	1,200,000
254	Nguyễn Viết Đức	12/01/1989	12001	10/06/2024	1,200,000
255	Ngô Thị Thanh	16/05/1982	12007	22/05/2017	1,200,000
256	Phan Trường Linh	17/11/1986	12076	20/06/2017	1,200,000
257	Nguyễn Thị Sen	10/04/1989	12085	20/06/2017	1,200,000
258	Phạm Hồng Hải	04/11/1981	12086	20/06/2017	1,200,000
259	Vũ Tuấn Anh	18/01/1991	12097	17/03/2022	1,200,000
260	Nguyễn Hải Long	28/05/1991	12099	20/06/2017	1,200,000
261	Thân Thị Hương	04/08/1985	12158	21/07/2017	1,200,000
262	Nguyễn Hào Hiệp	11/11/1991	12161	14/04/2022	1,200,000
263	Dương Thanh Hà	24/06/1981	12276	31/08/2017	1,200,000
264	Nguyễn Thị Nhung	03/08/1990	12287	31/08/2017	1,200,000
265	Nguyễn Quốc Hưng	13/12/1990	12290	31/08/2017	1,200,000
266	Ngô Thị Hồng Liên	08/08/1983	12345	07/10/2016	1,200,000
267	Vũ Thị Huyền	08/01/1986	12365	22/09/2017	1,200,000
268	Nguyễn Thị Thu Hương	13/12/1976	12517	31/10/2017	1,200,000
269	Phạm Duy Hải	27/05/1957	12522	31/10/2017	1,200,000
270	Tô Kim Cương	01/06/1973	12523	31/10/2017	1,200,000
271	Bùi Văn Mão	08/02/1987	12524	31/10/2017	1,200,000
272	Vũ Thị Hằng	19/08/1986	12540	10/11/2017	1,200,000
273	Lê Thị Hồng	04/04/1983	12545	07/08/2019	1,200,000

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số thẻ LS	Ngày cấp thẻ	Số tiền nợ
274	Vũ Văn Nhất	21/09/1985	12547	10/11/2017	1,200,000
275	Đoàn Minh Đức	21/09/1982	12553	10/11/2017	1,200,000
276	Lương Thành Đạt	23/09/1989	12683	29/12/2017	1,200,000
277	Nguyễn Văn Minh	06/09/1988	12686	11/02/2022	1,200,000
278	Nguyễn Văn Dũng	16/04/1980	12701	29/12/2017	1,200,000
279	Nguyễn Văn Lâm	21/04/1960	12714	29/12/2017	1,200,000
280	Lê Đình Chinh	05/11/1991	12778	07/01/2022	1,200,000
281	Nguyễn Văn An	03/08/1990	12779	31/01/2018	1,200,000
282	Nguyễn Thanh Quý	27/11/1988	12780	31/01/2018	1,200,000
283	Hoàng Thị Diễm Phương	06/04/1992	12787	31/01/2018	1,200,000
284	Trần Mạnh Thường	12/10/1975	12853	06/02/2018	1,200,000
285	Nguyễn Ngọc Nghị	02/09/1966	12924	14/09/2021	1,200,000
286	Nguyễn Anh Đoàn	19/01/1992	12936	19/03/2018	1,200,000
287	Vũ Thị Hiền Lương	01/09/1961	13123	11/05/2018	1,200,000
288	Phạm Linh Lang	05/04/1990	13130	11/05/2018	1,200,000
289	Trần Minh Đức	14/02/1961	13172	07/06/2018	1,200,000
290	Vũ Minh Tiến	30/09/1992	13174	07/06/2018	1,200,000
291	Đặng Thị Thu Hoài	01/09/1975	13175	07/06/2018	600,000
292	Nguyễn Văn Sơn	24/11/1983	13184	07/06/2018	1,200,000
293	Nguyễn Thị Hải Anh	17/09/1992	13200	07/06/2018	1,200,000
294	Nguyễn Tiến Dũng	30/11/1987	13210	07/06/2018	1,200,000
295	Lưu Ngọc Thanh	28/05/1989	13213	07/06/2018	1,200,000
296	Phạm Thanh Huyền	27/11/1988	13502	30/07/2018	1,200,000
297	Phạm Thị Hồng Minh	03/09/1988	13513	30/07/2018	1,200,000
298	Vũ Văn Tuấn	16/03/1989	13519	30/07/2018	1,200,000
299	Trần Hữu Thung	11/03/1991	13619	14/07/2023	1,200,000
300	Phạm Tuấn Long	14/08/1982	13628	13/09/2018	1,200,000
301	Lương Thị Thương Huyền	06/12/1986	13633	13/09/2018	1,200,000
302	Nguyễn Thị Thu Thủy	04/09/1975	13749	25/10/2018	1,200,000
303	Nông Thị Mai Anh	26/11/1990	13863	19/11/2018	1,200,000
304	Phùng Bích Vân	28/09/1980	13966	15/01/2019	1,200,000
305	Đào Thái Hòa	24/01/1977	13971	15/01/2019	1,200,000
306	Sầm Văn Vinh	03/03/1992	13972	15/01/2019	1,200,000
307	Lê Thành Luân	12/09/1983	13982	15/01/2019	1,200,000
308	Lê Thị Loan	15/06/1986	13997	15/01/2019	1,200,000
309	Lê Thị Dung	16/10/1991	13998	15/01/2019	1,200,000
310	Phạm Thành Nam	18/09/1990	14009	15/01/2019	1,200,000
311	Nguyễn Thanh Quang	06/07/1972	14010	15/01/2019	1,200,000
312	Nguyễn Minh Tâm	06/08/1993	14043	20/02/2019	1,200,000
313	Vũ Hữu Trí	01/03/1992	14045	20/02/2019	1,200,000
314	Nguyễn Thế Vinh	15/08/1981	14070	20/02/2019	1,200,000
315	Đào Xuân Tiến	17/07/1958	14149	15/03/2019	1,200,000
316	Lê Thị Kim Huệ	24/12/1989	14165	15/03/2019	1,200,000
317	Đào Thị Thúy Mùi	01/04/1991	14172	15/03/2019	1,200,000
318	Bùi Nho Thế	28/10/1991	14287	08/05/2019	1,200,000
319	Địch Ngọc Đạo	09/09/1958	14290	08/05/2019	1,200,000

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số thẻ LS	Ngày cấp thẻ	Số tiền nợ
320	Hoàng Thị Thanh Hương	27/02/1981	14427	10/06/2019	1,200,000
321	Nguyễn Thị Thu Thảo	13/07/1989	14434	10/06/2019	1,200,000
322	Nguyễn Anh Đức	22/08/1984	14442	10/06/2019	1,200,000
323	Lê Xuân Trường	23/11/1987	14447	10/06/2019	1,200,000
324	Nguyễn Thị Thanh Phương	28/08/1982	14450	10/06/2019	1,200,000
325	Đào Thu Trang	23/12/1991	14461	10/06/2019	1,200,000
326	Vũ Huy Hoàng	04/02/1993	14610	08/08/2019	1,200,000
327	Nông Thị Thơ	13/11/1992	14634	08/08/2019	1,200,000
328	Nguyễn Văn Hưng	03/12/1993	14638	08/08/2019	1,200,000
329	Vũ Trọng Kim	23/03/1953	14641	08/08/2019	1,200,000
330	Hoàng Văn Quỳnh	10/02/1989	14646	08/08/2019	1,200,000
331	Nhâm Thị Vân Anh	12/01/1994	14776	27/09/2019	1,200,000
332	Nguy Thị Hào	15/04/1964	14796	27/09/2019	1,200,000
333	Vũ Thị Hồng	25/10/1979	14859	14/10/2019	1,200,000
334	Lê Văn Thư	20/08/1957	14867	14/10/2019	1,200,000
335	Phan Thị Hoài	10/02/1990	14871	14/10/2019	1,200,000
336	Lại Ngọc Thanh	15/01/1988	14898	11/11/2019	1,200,000
337	Đoàn Văn Lê	14/11/1962	14900	11/11/2019	1,200,000
338	Ngô Thị Vân Chung	28/09/1984	15017	29/11/2019	1,200,000
339	Đông Phú Việt	17/05/1994	15031	29/11/2019	1,200,000
340	Dương Đức Thắng	18/11/1986	15041	29/11/2019	1,200,000
341	Hoàng Thị Thùy Dương	12/07/1994	15053	29/11/2019	1,200,000
342	Lê Văn Chung	24/01/1959	15234	11/02/2020	1,200,000
344	Dương Đức Trang	22/08/1992	15248	11/02/2020	1,200,000
345	Đào Ngọc Nguyên	25/12/1980	15249	11/02/2020	1,200,000
346	Trần Xuân Long	14/09/1976	15266	11/02/2020	1,200,000
347	Vũ Văn Tuấn	03/05/1994	15284	11/02/2020	1,200,000
348	Lê Hồng Anh	21/05/1994	15469	30/03/2020	1,200,000
349	Dương Thị Kiều Loan	22/10/1993	15477	30/03/2020	1,200,000
350	Hoàng Thị Phụng	21/07/1986	15491	30/03/2020	1,200,000
351	Trần Xuân Đạt	16/08/1991	15501	17/04/2020	1,200,000
352	Nguyễn Thị Hoa	28/03/1993	15569	27/05/2020	1,200,000
353	Nguyễn Văn Duy	17/08/1990	15776	25/06/2020	1,200,000
354	Bùi Thị Châu	20/11/1993	15816	13/07/2020	1,200,000
355	Bạch Minh Thắng	31/12/1993	15826	13/07/2020	1,200,000
356	Nguyễn Văn Tiến	17/02/1962	15831	13/07/2020	1,200,000
357	Nông Văn Nghĩa	18/04/1962	15833	13/07/2020	1,200,000
358	Nguyễn Hùng Cường	23/12/1984	15839	17/11/2023	1,200,000
359	Nguyễn Xuân Phước	01/08/1982	15850	13/07/2020	1,200,000
360	Nguyễn Thế Anh	18/07/1994	15868	10/01/2024	1,200,000
361	Bùi Quang Trung	02/07/1993	15973	07/08/2020	1,200,000
362	Chu Quang Phong	04/07/1983	15990	07/08/2020	1,200,000
363	Đặng Quốc Hoàn	09/01/1980	15991	07/08/2020	1,200,000
364	Hà Thị Sơn	29/04/1991	16014	17/08/2020	1,200,000
365	Phùng Văn Hào	07/04/1960	16180	21/09/2020	1,200,000

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số thẻ LS	Ngày cấp thẻ	Số tiền nợ
366	Hồ Minh Linh	05/04/1986	16183	21/09/2020	1,200,000
367	Lê Thị Mai Anh	22/10/1992	16194	21/09/2020	1,200,000
368	Khương Thị Minh Hằng	26/04/1966	16203	21/09/2020	1,200,000
369	Nguyễn Đạt Cường	18/11/1976	16208	21/09/2020	1,200,000
370	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	08/05/1984	16210	21/09/2020	1,200,000
371	Phạm Ba Đô	12/06/1992	16360	20/10/2020	1,200,000
372	Nguyễn Văn Quyết	25/09/1991	16363	20/10/2020	1,200,000
373	Phan Thị Phương	13/05/1994	16364	20/10/2020	1,200,000
374	Phạm Thị Ngọc Anh	22/07/1993	16369	20/10/2020	1,200,000
375	Trần Thị Thu Trà	13/02/1976	16383	20/10/2020	1,200,000
376	Đặng Bảo Vĩnh	04/06/1960	16394	20/10/2020	1,200,000
377	Nguyễn Nhân Tỏ	25/07/1957	16397	20/10/2020	1,200,000
378	Lê Thị Kim Dung	20/02/1965	16470	27/11/2020	1,200,000
379	Nguyễn Ngọc Linh	28/02/1992	16481	27/11/2020	1,200,000
380	Đào Duy Anh	25/07/1991	16485	27/11/2020	1,200,000
381	Luyện Ngọc Hùng	09/06/1992	16487	27/11/2020	1,200,000
382	Nguyễn Thị Thu Hoài	23/05/1980	16550	31/12/2020	1,200,000
383	Lê Quốc Pháp	10/12/1988	16557	31/12/2020	1,200,000
384	Nguyễn Văn Thuận	01/04/1975	16560	31/12/2020	1,200,000
385	Phạm Tuấn Anh	17/11/1983	16564	31/12/2020	1,200,000
386	Trần Hoàng Vũ	08/05/1990	16593	08/01/2021	1,200,000
387	Mai Văn Xuân	14/05/1984	16600	08/01/2021	1,200,000
388	Nguyễn Tuấn Anh	29/03/1992	16638	08/01/2021	1,200,000
389	Hồ Thị Thơ	20/09/1994	16864	22/02/2021	1,200,000
390	Nguyễn Ngọc Trâm	06/07/1993	16866	22/02/2021	1,200,000
391	Lê Thúy An	02/11/1989	16977	10/03/2021	1,200,000
392	Đỗ Thành Hưng	06/04/1994	16983	10/03/2021	1,200,000
393	Nguyễn Thanh Hà	21/07/1994	16988	10/03/2021	1,200,000
394	Đỗ Văn Phi	19/05/1991	17049	30/03/2021	1,200,000
395	Nguyễn Trọng Hoàng	15/07/1993	17075	30/03/2021	1,200,000
396	Phạm Thu Hương	21/09/1994	17232	11/05/2021	1,200,000
397	Nguyễn Thị Hồng Thương	16/07/1994	17358	09/06/2021	1,200,000
398	Trương Thị Mỹ Hòa	29/06/1993	17408	02/07/2021	1,200,000
399	Ngô Hùng Cường	21/09/1981	17416	02/07/2021	1,200,000
400	Lê Văn Chức	10/10/1993	17417	02/07/2021	1,200,000
401	Ngô Văn Duyên	07/02/1977	17420	02/07/2021	1,200,000
402	Dương Thị Châm	01/09/1991	17430	02/07/2021	1,200,000
403	Phương Nhuệ Giang	30/10/1989	17468	15/07/2021	1,200,000
404	Đoàn Quang Thành	03/12/1988	17480	15/07/2021	1,200,000
405	Hoàng Ngọc Lan	18/02/1993	17552	14/09/2021	1,200,000
406	Nguyễn Văn Tùy	08/06/1996	17560	14/09/2021	1,200,000
407	Phạm Đăng Mạnh	01/01/1991	17565	14/09/2021	1,200,000
408	Nguyễn Thị Bích Phượng	20/03/1995	17571	14/09/2021	1,200,000
409	Trần Như Quỳnh	02/03/1993	17572	14/09/2021	1,200,000
410	Đặng Xuân Đào	10/09/1955	17578	14/09/2021	1,200,000
411	Trần Thị Lịch	27/09/1965	17583	14/09/2021	1,200,000

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số thẻ LS	Ngày cấp thẻ	Số tiền nợ
412	Đào Đình Anh	11/08/1980	17684	01/11/2021	1,200,000
413	Lê Đình Tuyền	26/02/1992	17700	19/11/2021	1,200,000
414	Vũ Khánh Chi	14/07/1995	17707	19/11/2021	1,200,000
415	Lương Văn Hiến	19/09/1992	17877	16/12/2021	1,200,000
416	Nguyễn Khắc Dương	07/05/1990	17883	16/12/2021	1,200,000
417	Ngô Chí Hưng	26/02/1991	17907	07/01/2022	1,200,000
418	Trần Thị Huệ	26/05/1992	17913	07/01/2022	1,200,000
419	Lê Hải Phượng	21/09/1989	18017	11/02/2022	1,200,000
420	Dương Thị Xuân	16/09/1995	18019	11/02/2022	1,200,000
421	Lường Ngọc Thủy Trinh	05/07/1994	18021	11/02/2022	1,200,000
422	Phan Văn Nhân	24/03/1993	18022	11/02/2022	1,200,000
423	Hoàng Liên Phương	22/03/1966	18038	28/02/2022	1,200,000
424	Tạ Hồng Cương	25/08/1961	18157	20/04/2022	1,200,000
425	Phạm Văn Các	24/08/1960	18158	20/04/2022	1,200,000
426	Nguyễn Thị Oanh	15/10/1965	18179	20/04/2022	1,200,000
427	Nguyễn Thị Thúy Giang	23/09/1989	18202	28/04/2022	1,200,000
428	Nguyễn Thị Loan	22/08/1994	18279	07/06/2022	1,200,000
429	Tổng Linh Phương	28/08/1994	18291	07/06/2022	1,200,000
430	Trần Thị Ngọc	11/11/1990	18375	06/07/2022	1,200,000
431	Nguyễn Thị Minh Khuê	08/03/1994	18383	06/07/2022	1,200,000
432	Trương Thị Duy Tiên	04/01/1992	18395	06/07/2022	1,200,000
433	Nguyễn Sỹ Anh	15/12/1993	18449	10/08/2022	1,200,000
434	Nguyễn Thị Mỹ Linh	25/01/1996	18453	10/08/2022	1,200,000
435	Nguyễn Văn Luật	25/02/1960	18459	10/08/2022	1,200,000
436	Lê Thị Thanh Huyền	16/10/1976	18468	10/08/2022	1,200,000
437	Nguyễn Thị Giang	14/02/1993	18537	05/09/2022	1,200,000
438	Nguyễn Thị Trang	12/05/1990	18639	12/10/2022	1,200,000
439	Lê Thị Hồng	03/12/1992	18660	12/10/2022	1,200,000
440	Hồ Thị Thái Thụy	19/07/1994	18663	12/10/2022	1,200,000
441	Vũ Thủy Linh	23/10/1996	18680	12/10/2022	1,200,000
442	Nguyễn Đức Tùng	22/07/1989	18682	12/10/2022	1,200,000
443	Vũ Cao Tiến	16/12/1993	18761	03/11/2022	1,200,000
444	Nguyễn Văn Đoàn	14/11/1994	18764	03/11/2022	1,200,000
445	Nguyễn Thị Cẩm Chi	12/04/1993	18765	03/11/2022	1,200,000
446	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	24/05/1984	18766	03/11/2022	1,200,000
447	Nguyễn Đình Duy	22/04/1986	18769	03/11/2022	1,200,000
448	Nguyễn Tiến Long	04/09/1956	18832	28/11/2022	1,200,000
449	Phạm Văn Thảo	29/07/1997	18886	05/12/2022	1,200,000
450	Vũ Đức Hiếu	20/09/1996	18900	05/12/2022	1,200,000
451	Nông Minh Chiến	08/12/1996	18925	05/12/2022	1,200,000
452	Đinh Văn Nam	27/01/1986	18927	05/12/2022	1,200,000
453	Phạm Trung Đức	18/10/1969	19056	10/01/2023	1,200,000
454	Phạm Minh Việt	05/08/1986	19071	28/01/2026	1,200,000
455	Hoàng Thị Vi	18/03/1993	19236	13/03/2023	1,200,000
456	Nguyễn Văn Hà	10/12/1988	19386	06/04/2023	1,200,000
457	Nguyễn Thị Thùy Dương	20/12/1996	19389	06/04/2023	1,200,000

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số thẻ LS	Ngày cấp thẻ	Số tiền nợ
458	Phạm Hạnh Trang	24/09/1993	19399	06/04/2023	1,200,000
459	Cao Thị Khang	06/07/1992	19571	11/05/2023	1,200,000
460	Đỗ Văn Thiêm	05/10/1962	19588	11/05/2023	1,200,000
461	Nguyễn Công Tuấn	02/10/1975	19589	11/05/2023	1,200,000
462	Đỗ Phương Anh	12/10/1984	19596	11/05/2023	1,200,000
463	Nguyễn Ngọc Diệp	25/09/1988	19662	12/06/2023	1,200,000
464	Trần Thị Dung	30/09/1996	19664	12/06/2023	1,200,000
465	Vì Thị Huyền	11/01/1995	19672	12/06/2023	1,200,000
466	Nguyễn Thị Quỳnh	22/12/1991	19677	12/06/2023	1,200,000
467	Trần Tuấn Anh	26/10/1992	19921	08/08/2023	1,200,000
468	Nguyễn Thị Quỳnh Thơ	04/09/1995	19939	08/08/2023	1,200,000
469	Vũ Minh Công	11/11/1995	20056	25/09/2023	1,200,000
470	Nguyễn Trung Hiếu	24/03/1995	20063	25/09/2023	1,200,000
471	Phùng Nguyễn Hoàng	07/10/1983	20065	25/09/2023	1,200,000
472	Hoàng Mạnh Tuấn	13/08/1995	20103	25/09/2023	1,200,000
473	Vũ Văn Định	31/01/1986	20124	03/10/2023	1,200,000
474	Lê Thị Mỹ	20/12/1996	20144	03/10/2023	1,200,000
475	Nguyễn Thị Thu Thảo	14/03/1992	20154	03/10/2023	1,200,000
476	Nguyễn Minh Thúy	26/09/1997	20156	03/10/2023	1,200,000
477	Trương Cẩm Hà	02/09/1994	20317	23/11/2023	1,200,000
478	Lê Thị Hòa	01/10/1994	20320	23/11/2023	1,200,000
479	Trần Huy Hoàng	04/07/1995	20323	23/11/2023	1,200,000
480	Đàm Thị Lan Hương	03/08/1989	20325	23/11/2023	1,200,000
481	Chu Quang Quyền	09/02/1997	20340	23/11/2023	1,200,000
482	Trần Thị Tâm	03/05/1995	20342	23/11/2023	1,200,000
483	Hoàng Hữu Thông	24/12/1993	20347	23/11/2023	1,200,000
484	Phạm Thùy Linh	16/06/1994	20372	23/11/2023	1,200,000
485	Nguyễn Thanh Nga	23/10/1985	20543	08/12/2023	1,200,000
486	Nguyễn Văn Ngọc	12/06/1993	20545	08/12/2023	1,200,000
487	Trịnh Thị Hồng Nhung	20/03/1990	20546	08/12/2023	1,200,000
488	Trịnh Đình Quý	01/02/1992	20551	08/12/2023	1,200,000
489	Vũ Thùy Trang	27/10/1997	20560	08/12/2023	1,200,000
490	Phan Chính Minh	24/05/1963	20680	10/01/2024	1,200,000
491	Nguyễn Thị Nhung	01/10/1991	20683	10/01/2024	1,200,000
492	Tạ Thị Mây	20/10/1988	20762	01/02/2024	1,200,000
493	Nguyễn Văn Điện	15/01/1996	20765	01/02/2024	1,200,000
494	Phạm Thị Loan	20/05/1997	20770	01/02/2024	1,200,000
495	Trần Thị Ngọc Liên	03/07/1981	20771	01/02/2024	1,200,000
496	Vũ Hà Phan	20/07/1996	20777	01/02/2024	1,200,000
497	Trần Hoàng Anh	03/10/1996	20822	18/03/2024	1,200,000
498	Tạ Bình Minh	28/04/1995	20832	18/03/2024	1,200,000
499	Đặng Kiều Giang	24/10/1995	20959	11/04/2024	1,200,000
500	Nguyễn Thị Hương	11/03/1994	20972	11/04/2024	1,200,000
501	Nguyễn Bảo Khánh	14/03/1996	20975	11/04/2024	1,200,000
502	Lê Hồng Kỳ	27/12/1966	20977	11/04/2024	1,200,000
503	Vũ Thị Thúy Liễu	29/11/1988	20979	11/04/2024	1,200,000



STT	Họ tên	Ngày sinh	Số thẻ LS	Ngày cấp thẻ	Số tiền nợ
504	Bùi Quyền Linh	31/10/1996	20980	11/04/2024	1,200,000
505	Nguyễn Thị Linh Chi	19/10/1995	21042	15/04/2024	1,200,000
506	Nguyễn Thị Định	23/02/1997	21047	15/04/2024	1,200,000
507	Dương Hoàng Anh	04/08/1994	21263	20/05/2024	1,200,000
508	Nguyễn Thị Hiền	05/03/1995	21274	20/05/2024	1,200,000
509	Nguyễn Minh Cảnh	26/03/1980	21321	10/06/2024	1,200,000
510	Trần Minh Ngọc	10/06/1994	21331	10/06/2024	1,200,000
511	Nguyễn Đức Thắng	04/01/1982	21559	18/07/2024	1,200,000
512	Lý Thị Quỳnh Nga	13/11/1995	21715	13/08/2024	1,200,000
513	Trần Thị Ngọc Hòa	09/06/1994	21748	13/08/2024	1,200,000
514	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	15/10/1978	21922	17/09/2024	1,200,000
515	Diệm Thị Phương Thảo	08/03/1989	21950	17/09/2024	1,200,000
516	Bùi Chí Phương	05/05/1965	21966	17/09/2024	1,200,000
517	Nguyễn Yến Thanh Phương	17/05/1996	21967	17/09/2024	1,200,000
518	Nguyễn Mai Hương	13/01/1998	22000	17/09/2024	1,200,000
519	Nguyễn Xuân Bách	19/01/1995	22109	21/10/2024	1,200,000
520	Chu Thị Ngọc	06/11/1997	22145	21/10/2024	1,200,000
521	Lưu Văn Sơn	28/03/1991	22149	21/10/2024	1,200,000
522	Khúc Thị Thu	21/10/1996	22153	21/10/2024	1,200,000
523	Vũ Huyền Thu	20/09/1999	22154	21/10/2024	1,200,000
524	Hà Anh Tú	13/10/1994	22157	21/10/2024	1,200,000
525	Nguyễn Gia Liêm	14/03/1963	22163	21/10/2024	1,200,000
526	Nguyễn Thị Lan Anh	23/02/1998	22598	27/12/2024	1,200,000
527	Trần Thái Đức	15/11/1985	22604	27/12/2024	1,200,000
528	Phạm Thu Hoài	04/10/1989	22613	27/12/2024	1,200,000
529	Trần Văn Luận	03/01/1980	22623	27/12/2024	1,200,000
530	Lê Thị Hải Như	09/09/1990	22629	27/12/2024	1,200,000
531	Phạm Trần Phan	08/05/1996	22630	27/12/2024	1,200,000
532	Nguyễn Văn Thức	06/08/1965	22638	27/12/2024	1,200,000
533	Nguyễn Vĩnh Toàn	25/10/1994	22639	27/12/2024	1,200,000
534	Đoàn Thị Kiều Trang	22/10/1990	22640	27/12/2024	1,200,000
535	Nguyễn Thị Mai Hiền	25/05/1994	22745	15/01/2025	1,200,000
536	Lại Thị Ngọc Linh	09/07/1996	22753	15/01/2025	1,200,000
537	Nguyễn Ngọc Quỳnh	24/07/1994	22761	15/01/2025	1,200,000
538	Nguyễn Phương Thảo	23/09/1979	22765	15/01/2025	1,200,000
539	Đinh Văn Trường	17/07/1993	22769	15/01/2025	1,200,000
540	Lê Thị Hậu	10/08/1993	19595	11/05/2023	1,100,000
541	Vũ Ngọc Đức	22/08/1980	22812	10/02/2025	1,100,000
542	Trương Thị Vân	05/07/1987	22824	10/02/2025	1,100,000
543	Nguyễn Tuấn Vinh	06/08/1963	22825	10/02/2025	1,100,000
544	Lê Văn Thanh	22/11/1972	2063	30/09/2021	1,000,000
545	Lê Minh Tuấn Anh	25/12/1994	23005	12/03/2025	1,000,000
546	Hoàng Văn Dự	16/01/1999	23010	12/03/2025	1,000,000
547	Vũ Trọng Minh	10/07/1998	23019	12/03/2025	1,000,000
548	Bùi Thị Lan	27/07/1992	23033	12/03/2025	1,000,000
549	Trần Thị Vân Anh	16/06/1997	23036	12/03/2025	1,000,000

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số thẻ LS	Ngày cấp thẻ	Số tiền nợ
550	Vũ Văn Đồng	10/10/1978	1807	01/08/2010	900,000
551	Nguyễn Thị Việt Mỹ	18/06/1998	20079	25/09/2023	900,000
552	Nguyễn Thùy Dương	03/10/1996	22002	17/09/2024	900,000
553	Lê Mạnh Tú	19/02/1959	14449	10/06/2019	800,000
554	Trịnh Thị Hằng	01/01/1992	20060	25/09/2023	800,000
555	Nông Thị Thanh Tuyền	28/12/1994	21554	18/07/2024	800,000
556	Đỗ Thị Đoàn	28/05/1996	22325	15/11/2024	800,000
557	Đỗ Việt Dũng	10/09/1975	22326	15/11/2024	800,000
558	Đặng Văn Quỳnh	06/12/1990	22362	15/11/2024	800,000
559	Trần Phước Thu	02/02/1963	22366	15/11/2024	800,000
560	Nguyễn Thị Kim Thu	20/09/1980	22367	15/11/2024	800,000
561	Nguyễn Văn Long	07/10/1991	23282	25/04/2025	800,000
562	Nguyễn Thị Lý	08/09/1992	23285	25/04/2025	800,000
563	Phan Đình Phong	04/01/1993	23296	25/04/2025	800,000
564	Nguyễn Lý Đức Toàn	27/12/1995	23308	25/04/2025	800,000
565	Nguyễn Thị Huyền Trang	25/09/1995	23310	25/04/2025	800,000
566	Nguyễn Thị Minh Thư	26/12/1993	18280	07/06/2022	700,000
567	Lê Đăng Doanh	11/11/1957	19410	06/04/2023	700,000
568	Nguyễn Thị Phương Huyền	02/11/1997	20538	08/12/2023	700,000
569	Lê Thị Mai	24/05/1993	20831	18/03/2024	700,000
570	Vũ Đức Trường	19/03/1995	21346	10/06/2024	700,000
571	Dương Thị Tuyết	21/12/1996	21347	10/06/2024	700,000
572	Trần Phương Dung	18/02/1985	23359	19/05/2025	700,000
573	Lê Thị Giang	30/08/1982	23360	19/05/2025	700,000
574	Nguyễn Thị Bích Ngọc	13/11/1977	23373	19/05/2025	700,000
575	Nghiêm Giang Anh	17/03/1972	1183	01/08/2010	600,000
576	Nguyễn Thị Huệ	15/10/1979	1228	01/08/2010	600,000
577	Nguyễn Trung Nguyên	20/02/1977	1278	01/08/2010	600,000
578	Nguyễn Hưng Quang	23/05/1973	1363	01/08/2010	600,000
579	Vũ Hữu Thức	28/12/1963	1367	01/08/2010	600,000
580	Lương Văn Nghĩa	15/12/1969	1399	01/08/2010	600,000
581	Nguyễn Đình Khoẻ	15/03/1959	1440	01/08/2010	600,000
582	Nguyễn Đức Quân	20/06/1976	1519	01/08/2010	600,000
583	Đinh Chí Thiện	09/06/1977	1572	01/08/2010	600,000
584	Đỗ Hoàng Giang	02/05/1974	1692	01/08/2010	600,000
585	Phạm Thị Học	19/03/1952	1702	01/08/2010	600,000
586	Phan Tú Oanh	29/06/1977	1746	01/08/2010	600,000
587	Hà Minh Tú	28/01/1976	1835	08/12/2023	600,000
588	Lưu Vũ Anh	25/05/1972	1931	01/08/2010	600,000
589	Vũ Quốc Bình	12/09/1969	1941	01/08/2010	600,000
590	Nguyễn Vĩnh Ban	31/12/1977	1944	01/08/2010	600,000
591	Trần Thị Xuân Phương	02/01/1954	1953	01/08/2010	600,000
592	Nguyễn Thị Quế Chi	29/02/1980	1959	01/08/2010	600,000
593	Đặng Thị Dung	23/02/1975	1988	22/02/2021	600,000
594	Phạm Thanh Bình	30/12/1978	1995	01/08/2010	600,000
595	Trương Văn An	11/03/1953	2025	01/08/2010	600,000

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số thẻ LS	Ngày cấp thẻ	Số tiền nợ
596	Đào Thị Bích Hương	01/08/1971	4659	16/08/2010	600,000
597	Vũ Thị Lâm Phương	18/11/1970	4701	16/08/2010	600,000
598	Nguyễn Văn Quỳnh	18/11/1976	4725	16/08/2010	600,000
599	Nguyễn Minh Sơn	22/07/1971	4748	16/08/2010	600,000
600	Nguyễn Thế Truyền	27/11/1973	4787	16/08/2010	600,000
601	Đoàn Văn Chung	28/12/1981	4794	16/08/2010	600,000
602	Ngô Quang Kim	03/09/1953	4805	16/08/2010	600,000
603	Nguyễn Hữu Thảo	03/05/1977	5448	29/10/2010	600,000
604	Đỗ Duy Long	01/12/1968	5495	22/11/2010	600,000
605	Nguyễn Ngọc Tấn	22/01/1977	5838	10/03/2011	600,000
606	Bùi Đình Phương	28/03/1978	5857	10/03/2011	600,000
607	Lưu Ngọc Anh	04/02/1979	6066	20/05/2011	600,000
608	Dương Văn Đích	20/05/1980	6073	22/05/2014	600,000
609	Nguyễn Mạnh Tuấn	12/12/1983	6473	25/07/2011	600,000
610	Trương Thanh Thủy	23/09/1965	6478	25/07/2011	600,000
611	Phạm Lê Tuấn	14/08/1984	6679	10/10/2011	600,000
612	Nguyễn Hà	15/11/1959	6948	16/01/2012	600,000
613	Bùi Đăng Bình	04/10/1951	6990	20/02/2012	600,000
614	Phan Văn Bản	08/01/1953	6993	20/02/2012	600,000
615	Đinh Thị Phúc	06/12/1985	7211	18/03/2014	600,000
616	Nguyễn Thị Lan Hương	06/08/1974	7250	21/08/2012	600,000
617	Nhữ Phương Anh	12/10/1978	7555	30/11/2012	600,000
618	Trần Văn Điện	04/10/1986	7782	16/07/2013	600,000
619	Trần Quốc Chính	18/01/1983	7857	12/04/2013	600,000
620	Đỗ Thị Hiền	12/07/1985	7860	12/04/2013	600,000
621	Lê Ngọc Lương	25/10/1983	7971	04/06/2013	600,000
622	Nguyễn Thị Nhân	01/01/1978	8378	16/09/2013	600,000
623	Phạm Mạnh Dũng	02/02/1951	8448	15/10/2013	600,000
624	Nguyễn Trọng Việt	20/11/1987	8518	14/11/2016	600,000
625	Trần Thị Thu Phương	26/02/1977	8684	17/03/2022	600,000
626	Nguyễn Thị Vân	12/05/1986	8757	18/03/2014	600,000
627	Đào Mai Anh	21/09/1977	8760	18/03/2014	600,000
628	Trịnh Thị Thành	12/11/1987	8769	18/03/2014	600,000
629	Hoàng Thị Nghĩa	10/10/1984	8771	18/03/2014	600,000
630	Nguyễn Văn Lượng	04/10/1976	9120	12/08/2014	600,000
631	Trần Phan Diên	22/10/1982	9285	05/07/2018	600,000
632	Lê Hồng Khanh	18/11/1978	9290	18/11/2014	600,000
633	Phạm Thị Huế	16/07/1985	9413	13/01/2015	600,000
634	Lý Minh Hằng	30/01/1983	9708	06/03/2015	600,000
635	Nguyễn Thị Hồng Hiền	06/05/1976	9827	11/05/2015	600,000
636	Nguyễn Thị Hoa	27/04/1974	9929	19/06/2015	600,000
637	Lê Thị Minh Ngọc	10/03/1964	10215	18/11/2015	600,000
638	Trần Thị Ninh	16/03/1990	10555	03/02/2016	600,000
639	Bùi Thanh Hải	26/01/1980	10570	03/02/2016	600,000
640	Lê Nguyên Giáp	08/08/1985	10576	03/02/2016	600,000
641	Nguyễn Trung Hiếu	18/12/1989	10732	12/04/2016	600,000

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số thẻ LS	Ngày cấp thẻ	Số tiền nợ
642	Hồ Anh Khoa	15/07/1989	10909	17/06/2016	600,000
643	Nguyễn Thị Luyến	24/05/1982	10924	17/06/2016	600,000
644	Trần Mạnh Tùng	22/11/1985	10938	17/06/2016	600,000
645	Đặng Xuân Định	02/08/1975	11103	19/07/2016	600,000
646	Nông Thị Duyên	15/04/1985	11182	18/08/2016	600,000
647	Phạm Hồng Long	25/05/1975	11193	18/08/2016	600,000
648	Lương Thị Thu Hằng	15/05/1990	11815	08/01/2021	600,000
649	Đỗ Kim Hào	02/09/1980	11842	11/04/2017	600,000
650	Phan Thị Sánh	15/02/1982	11931	05/05/2017	600,000
651	Lê Thị Thu Phương	25/12/1987	12082	20/06/2017	600,000
652	Đinh Thị Thương	16/04/1986	12266	16/08/2017	600,000
653	Lương Huyền Trang	18/10/1990	12267	16/08/2017	600,000
654	Nguyễn Văn Luật	06/10/1992	12702	29/12/2017	600,000
655	Phạm Hải Anh	29/08/1991	12728	29/12/2017	600,000
656	Nguyễn Thị Thúy	12/02/1984	12783	31/01/2018	600,000
657	Lê Thị Giang	07/08/1987	12790	31/01/2018	600,000
658	Nguyễn Minh Hải	09/08/1991	12791	31/01/2018	600,000
659	Nguyễn Thịnh Hoàng	06/09/1983	12938	19/03/2018	600,000
660	Hoàng Thế Sơn	22/08/1973	13085	02/10/2019	600,000
661	Đặng Thị Thanh Xuân	27/01/1963	13503	30/07/2018	600,000
662	Phạm Quỳnh Trang	15/12/1990	13622	13/09/2018	600,000
663	Trương Phương Nhung	18/12/1991	13625	13/09/2018	600,000
664	Nguyễn Thành Vinh	09/11/1960	13642	13/09/2018	600,000
665	Tưởng Hữu Long	01/09/1992	13730	25/10/2018	600,000
666	Đào Đình Tâm	15/09/1987	13732	25/10/2018	600,000
667	Nguyễn Thị Vân Anh	21/03/1993	13859	19/11/2018	600,000
668	Đỗ Thị Thu Thảo	28/10/1988	13861	19/11/2018	600,000
669	Nguyễn Thị Vi	05/06/1991	13978	15/01/2019	600,000
670	Nguyễn Tiến Nghĩa	04/12/1977	14017	15/01/2019	600,000
671	Kiều Thị Thúy	20/06/1993	14021	15/01/2019	600,000
672	Nguyễn Thị Thương	14/08/1992	14060	20/02/2019	600,000
673	Nguyễn Việt Trung	25/09/1993	14068	20/02/2019	600,000
674	Tạ Văn Hồ	12/04/1959	14607	08/08/2019	600,000
675	Lê Thị Thương	19/03/1992	14649	08/08/2019	600,000
676	Nguyễn Phương Dung	10/10/1989	14787	27/09/2019	600,000
677	Bùi Thị Hiền	05/05/1992	14790	27/09/2019	600,000
678	Lê Văn Tuyền	10/01/1961	14797	27/09/2019	600,000
679	Nguyễn Văn Điệp	02/01/1993	14798	27/09/2019	600,000
680	Nguyễn Thị Thu Trang	20/07/1988	14853	14/10/2019	600,000
681	Trịnh Thị Hòa	18/04/1991	15003	27/11/2020	600,000
682	Lăng Hồng Ninh	25/12/1992	15468	30/03/2020	600,000
683	Vũ Xuân Bình	20/06/1980	15602	27/05/2020	600,000
684	Hồ Anh Khuê	13/09/1994	15756	25/06/2020	600,000
685	Nguyễn Thị Kế	19/07/1993	15777	25/06/2020	600,000
686	Nguyễn Bích Hà	24/04/1991	15829	13/07/2020	600,000
687	Đặng Thành Vinh	02/08/1983	15836	13/07/2020	600,000

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số thẻ LS	Ngày cấp thẻ	Số tiền nợ
688	Nguyễn Thị Sâm	10/06/1992	15982	07/08/2020	600,000
689	Nguyễn Xuân Thành	15/02/1989	16197	21/09/2020	600,000
690	Nguyễn Văn Kiên	29/07/1990	16199	21/09/2020	600,000
691	Ngô Cao Quân	01/08/1961	16395	20/10/2020	600,000
692	Phạm Văn Bình	25/01/1957	16465	27/11/2020	600,000
693	Luân Thị Nương	17/02/1994	16547	31/12/2020	600,000
694	Trần Thị Bích Ngọc	15/10/1992	16548	31/12/2020	600,000
695	Đoàn Thị Thanh Hồng	13/09/1978	16555	31/12/2020	600,000
696	Nguyễn Hồng Sơn	14/12/1984	16569	31/12/2020	600,000
697	Trương Thanh Tuấn	09/05/1983	16601	08/01/2021	600,000
698	Hà Thị Hòa	28/08/1985	16975	10/03/2021	600,000
699	Hoàng Văn Mạnh	20/08/1960	16989	10/03/2021	600,000
700	Võ Thanh Thủy	17/11/1994	17053	30/03/2021	600,000
701	Phạm Thị Ngọc Lan	06/04/1990	17081	14/04/2021	600,000
702	Lưu Minh Vượng	24/03/1984	17354	09/06/2021	600,000
703	Vũ Quang Vinh	01/01/1955	17375	18/06/2021	600,000
704	Đặng Thị Huế	20/11/1989	17423	02/07/2021	600,000
705	Lý Trần Linh	05/12/1994	17431	02/07/2021	600,000
706	Nguyễn Thị Vân Anh	22/09/1977	17462	15/07/2021	600,000
707	Lê Thị Tuyết Lan	01/11/1986	17491	15/07/2021	600,000
708	Trương Thị Vàng	26/09/1994	17558	14/09/2021	600,000
709	Nguyễn Thị Hằng	04/03/1992	17581	14/09/2021	600,000
710	Lê Thị Thoa	27/07/1988	18020	11/02/2022	600,000
711	Phạm Thị Hồng Hạnh	05/11/1996	18175	20/04/2022	600,000
712	Bùi Thị Hiền	02/05/1994	18377	06/07/2022	600,000
713	Đặng Hữu Phúc	25/08/1959	18384	06/07/2022	600,000
714	Trương Thị Quỳnh	26/01/1994	18390	06/07/2022	600,000
715	Lê Thị Huyền Trang	20/04/1990	18410	14/07/2022	600,000
716	Chu Đình Hạnh	20/07/1992	18451	10/08/2022	600,000
717	Nguyễn Thị Minh Tâm	28/05/1995	18461	10/08/2022	600,000
718	Lê Thị Hằng	17/04/1995	18532	05/09/2022	600,000
719	Đặng Thúy Đạt	24/11/1993	18534	05/09/2022	600,000
720	Lê Hồng Hà	07/11/1987	18535	05/09/2022	600,000
721	Nguyễn Thị Kim Anh	15/07/1993	18684	12/10/2022	600,000
722	Lê Thị Hồng Hạnh	05/10/1996	18768	03/11/2022	600,000
723	Trần Thị Thùy Dương	26/12/1997	18891	05/12/2022	600,000
724	Hà Thị Diệu Nhung	03/08/1996	18903	05/12/2022	600,000
725	Đặng Ngọc Trần Phương	15/10/1994	19054	10/01/2023	600,000
726	Bùi Thị Ngọc Huyền	06/08/1997	19064	10/01/2023	600,000
727	Chu Văn Tường	25/03/1997	19207	13/03/2023	600,000
728	Nguyễn Chí Hiếu	26/04/1996	19222	13/03/2023	600,000
729	Mai Thị Hương Chanh	24/04/1990	19238	13/03/2023	600,000
730	Chu Huyền Trang	06/08/1994	19391	06/04/2023	600,000
731	Nguyễn Thị Loan	15/05/1996	19414	06/04/2023	600,000
732	Võ Thị Thùy Dương	18/09/1977	19665	12/06/2023	600,000
733	Nguyễn Ngọc Thế	29/05/1957	19679	12/06/2023	600,000

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số thẻ LS	Ngày cấp thẻ	Số tiền nợ
734	Đào Đức Thịnh	21/10/1996	19735	04/07/2023	600,000
735	Nguyễn Ngọc Ánh	03/09/1990	19741	04/07/2023	600,000
736	Nguyễn Vũ Giang	23/09/1993	19745	04/07/2023	600,000
737	Phạm Thị Kiều Trinh	07/07/1996	19947	08/08/2023	600,000
738	Trịnh Thị Kim Tuyến	17/03/1996	19949	08/08/2023	600,000
739	Tạ Thúy Hồng	22/10/1980	20067	25/09/2023	600,000
740	Đoàn Thị Bích Diệp	11/12/1983	20308	23/11/2023	600,000
741	Hứa Thị Lâm	05/01/1994	20329	23/11/2023	600,000
742	Đinh Văn Tuệ	05/08/1990	20353	23/11/2023	600,000
743	Hà Ngọc Long	05/05/1995	20370	23/11/2023	600,000
744	Nguyễn Minh Phúc	25/08/1995	20373	23/11/2023	600,000
745	Bùi Việt Bắc	02/06/1984	20526	08/12/2023	600,000
746	Trần Đại Phong	29/11/1996	20547	08/12/2023	600,000
747	Nguyễn Thị Phương Thanh	02/04/1993	20554	08/12/2023	600,000
748	Quách Vũ Ngọc Hà	17/05/1994	20672	10/01/2024	600,000
749	Nguyễn Văn Thông	31/05/1962	20691	10/01/2024	600,000
750	Trần Thị Huệ	26/07/1996	20966	11/04/2024	600,000
751	Từ Xuân Cẩn	18/12/1997	21041	15/04/2024	600,000
752	Dương Thị Thúy	11/11/1979	21341	10/06/2024	600,000
753	Trương Vũ Giang	22/05/1995	21526	18/07/2024	600,000
754	Vũ Gia Huy	05/11/1997	21537	18/07/2024	600,000
755	Vũ Công Thuận	28/01/1997	21562	18/07/2024	600,000
756	Nguyễn Hữu Triết	13/05/1995	21564	18/07/2024	600,000
757	Mai Thu Thủy	08/10/1995	21729	13/08/2024	600,000
758	Trần Tiểu Bình	13/09/1968	21734	13/08/2024	600,000
759	Lương Hữu Bình	20/06/1990	21735	13/08/2024	600,000
760	Nguyễn Thu Hà	04/10/1996	21743	13/08/2024	600,000
761	Hà Thị Hoài Hiền	06/09/1997	21923	17/09/2024	600,000
762	Tạ Ngọc Phương Trinh	19/04/1994	21959	17/09/2024	600,000
763	Vũ Thị Ngà	13/07/1976	21968	17/09/2024	600,000
764	Đinh Ngọc Mai	15/09/1997	22141	21/10/2024	600,000
765	Nguyễn Thị Hoài Thương	08/12/1997	22155	21/10/2024	600,000
766	Tạ Duy Anh	03/12/1988	22320	15/11/2024	600,000
767	Ngô Đình Chung	12/04/1968	22322	15/11/2024	600,000
768	Nguyễn Văn Hạnh	15/09/1976	22332	15/11/2024	600,000
769	Nguyễn Thị Hậu	02/02/1997	22333	15/11/2024	600,000
770	Hoàng Đức Phương	02/06/1993	22358	15/11/2024	600,000
771	Nguyễn Thị Phương	30/09/1998	22360	15/11/2024	600,000
772	Bùi Thị Xuân	18/02/1996	22379	15/11/2024	600,000
773	Nguyễn Đức Anh	30/01/1996	22599	27/12/2024	600,000
774	Hà Thu Hiền	01/01/1996	22611	27/12/2024	600,000
775	Nguyễn Thị Minh Nhật	04/02/1997	22628	27/12/2024	600,000
776	Nguyễn Thị Ngọc Anh	10/07/1987	22738	15/01/2025	600,000
777	Đinh Thị Ngọc Hà	27/03/1997	22740	15/01/2025	600,000
778	Đỗ Thu Trang	30/08/1996	22768	15/01/2025	600,000
779	Nguyễn Thị Phương Thảo	18/02/1992	22822	10/02/2025	600,000

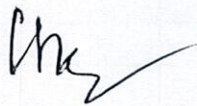
STT	Họ tên	Ngày sinh	Số thẻ LS	Ngày cấp thẻ	Số tiền nợ
780	Bùi Thiên Ân	30/04/1998	23008	12/03/2025	600,000
781	Đào Thị Ngọc Anh	04/04/1999	23472	19/06/2025	600,000
782	Nguyễn Văn Ánh	10/06/1968	23473	19/06/2025	600,000
783	Vũ Khánh Hiếu	01/05/1982	23482	19/06/2025	600,000
784	Lê Thị Huê	20/05/1997	23485	19/06/2025	600,000
785	Bùi Thọ Kiên	24/11/1997	23489	19/06/2025	600,000
786	Chu Thị Châu Sa	09/03/1996	23510	19/06/2025	600,000
787	Lương Đình Thiện	20/04/1995	23515	19/06/2025	600,000
788	Nguyễn Thị Kiều Trinh	25/09/1999	23522	19/06/2025	600,000
789	Nguyễn Văn Đăng	06/04/1994	23528	19/06/2025	600,000
790	Vũ Chi Mai	14/05/1992	20334	23/11/2023	500,000
791	Lương Hồng Quang	28/02/1962	20550	08/12/2023	500,000
792	Đỗ Công Diện	06/09/1985	23253	25/04/2025	500,000
793	Nguyễn Tiến Dũng	06/08/1996	23255	25/04/2025	500,000
794	Lý Thị Nương	21/03/1997	23293	25/04/2025	500,000
795	Nguyễn Hoàng Sơn	25/09/1997	23378	19/05/2025	500,000
796	Quan Khắc Thượng	02/11/1998	23387	19/05/2025	500,000
797	Phạm Tuấn Dũng	30/09/1973	23477	19/06/2025	500,000
798	Nguyễn Minh Oanh	16/07/1976	23505	19/06/2025	500,000
799	Đông Thị Trang	27/05/1996	23521	19/06/2025	500,000
800	Dương Hương Giang	11/10/1984	23796	23/07/2025	500,000
801	Nguyễn Thu Hà	20/01/1997	23797	23/07/2025	500,000
802	Nguyễn Thị Thanh Loan	22/05/1992	23803	23/07/2025	500,000
803	Nguyễn Thị Mai	28/05/1968	23805	23/07/2025	500,000
804	Lại Thị Phương Thảo	27/01/1987	23812	23/07/2025	500,000
805	Đỗ Thu Thảo	01/12/1991	23813	23/07/2025	500,000
806	Nguyễn Phương Thảo	03/08/1995	23815	23/07/2025	500,000
807	Đinh Thị Quỳnh Trang	22/06/1990	23817	23/07/2025	500,000
808	Nguyễn Duy Anh	01/07/1974	23826	06/08/2025	500,000
809	Vi Thị Minh Huệ	02/08/1998	23831	06/08/2025	500,000
810	Đàm Thu Hường	20/07/1991	23834	06/08/2025	500,000
811	Văn Thị Thư	18/12/1992	23846	06/08/2025	500,000
812	Đỗ Thị Thu Trang	28/08/1983	23847	06/08/2025	500,000
813	Đoàn Thị Trang	28/10/1997	23848	06/08/2025	500,000
814	Trần Thị Thanh Huyền	12/02/1991	24039	12/09/2025	400,000
815	Phạm Thị Liên	21/05/1998	24040	12/09/2025	400,000
816	Nguyễn Thị Thùy Linh	17/04/1992	24041	12/09/2025	400,000
817	Trịnh Thị Phương	30/03/1994	24044	12/09/2025	400,000
818	Nguyễn Mai Quang	17/10/1991	24046	12/09/2025	400,000
819	Hoàng Minh Thành	08/07/1963	24047	12/09/2025	400,000
820	Nguyễn Văn Dũng	23/07/1976	6754	15/12/2011	300,000
821	Trịnh Thị Thủy	28/09/1993	14283	08/05/2019	300,000
822	Trần Xuân Hạnh	12/10/1984	20061	25/09/2023	300,000
823	Lê Văn Tới	02/06/1991	20557	08/12/2023	300,000
824	Nguyễn Phúc Linh	06/10/1995	21935	17/09/2024	300,000
825	Vi Tú Anh	08/05/1998	21983	17/09/2024	300,000

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số thẻ LS	Ngày cấp thẻ	Số tiền nợ
826	Hoàng Mạnh Hùng	29/12/1975	7679	28/12/2012	200,000
827	Nguyễn Thị Thu Hương	02/01/1985	7855	12/04/2013	200,000
828	Nguyễn Ngọc Trí	21/05/1987	16854	22/02/2021	200,000
829	Nguyễn Duy Anh	13/06/1993	19560	11/05/2023	200,000
830	Lê Tiến Thành	04/05/1974	19581	11/05/2023	200,000
831	Nguyễn Thục Anh	30/12/1997	22315	15/11/2024	200,000
832	Nguyễn Khắc Quang Anh	20/11/2000	24427	27/10/2025	200,000
833	Hoàng Duy Ba	19/07/1998	24429	27/10/2025	200,000
834	Nguyễn Đức Chung	08/12/1985	24432	27/10/2025	200,000
835	Nguyễn Văn Đạt	23/05/1991	24433	27/10/2025	200,000
836	Ngô Văn Đông	30/01/2000	24436	27/10/2025	200,000
837	Thạch Minh Hằng	11/11/1994	24442	27/10/2025	200,000
838	Nguyễn Thị Hạnh	19/11/1990	24445	27/10/2025	200,000
839	Bùi Đức Hiền	08/10/1984	24446	27/10/2025	200,000
840	Phùng Lan Hương	02/01/1992	24448	27/10/2025	200,000
841	Trần Thị Hương Huyền	26/03/1984	24451	27/10/2025	200,000
842	Nguyễn Diệu Linh	28/11/1995	24453	27/10/2025	200,000
843	Nguyễn Thị Minh	23/11/1996	24455	27/10/2025	200,000
844	Phạm Minh Quân	27/08/1972	24459	27/10/2025	200,000
845	Nguyễn Thị Thu	24/07/1993	24463	27/10/2025	200,000
846	Nguyễn Văn Tình	08/09/1995	24464	27/10/2025	200,000
847	Phan Thị Mai Trang	17/12/1999	24466	27/10/2025	200,000
848	Nguyễn Hà Tuyên	22/03/1964	24470	27/10/2025	200,000
849	Lưu Quang Việt	14/09/1997	24472	27/10/2025	200,000
850	Lê Văn Anh	27/12/1993	24473	27/10/2025	200,000
851	Trần Thị Ngọc Ánh	30/06/2000	24474	27/10/2025	200,000
852	Lê Đăng Phương	02/07/1991	24479	27/10/2025	200,000
853	Đỗ Thùy Dung	11/11/1993	24481	27/10/2025	200,000
854	Liêu Vương Quốc Anh	22/12/1993	24617	14/11/2025	200,000
855	Nguyễn Lan Anh	14/04/1991	24618	14/11/2025	200,000
856	Nguyễn Đức Bảy	10/07/1988	24620	14/11/2025	200,000
857	Hoàng Yến Chi	07/05/1994	24621	14/11/2025	200,000
858	Lê Minh Cường	14/09/1988	24622	14/11/2025	200,000
859	Nguyễn Minh Đức	23/01/1989	24623	14/11/2025	200,000
860	Cần Văn Hậu	18/05/1985	24630	14/11/2025	200,000
861	Đặng Thị Hồng Lê	11/10/1975	24634	14/11/2025	200,000
862	Nguyễn Nhật Lệ	27/08/1997	24635	14/11/2025	200,000
863	Trần Hoàng Mỹ Linh	04/02/1996	24636	14/11/2025	200,000
864	Ngô Trang Linh	19/03/1997	24637	14/11/2025	200,000
865	Cao Xuân Sơn	07/07/1970	24648	14/11/2025	200,000
866	Nguyễn Đức Thắng	18/02/1986	24649	14/11/2025	200,000
867	Nguyễn Thị Phương Thảo	21/01/1999	24652	14/11/2025	200,000
868	Vũ Phương Trà	19/09/1995	24654	14/11/2025	200,000
869	Đỗ Thu Trang	24/07/1994	24655	14/11/2025	200,000
870	Nguyễn Thành Trung	01/09/1996	24658	14/11/2025	200,000
871	Nguyễn Minh Tuấn	13/05/1984	24660	14/11/2025	200,000

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số thẻ LS	Ngày cấp thẻ	Số tiền nợ
872	Trần Việt Tùng	15/10/2000	24662	14/11/2025	200,000
873	Nguyễn Thanh Tùng	21/08/1998	24663	14/11/2025	200,000
874	Nguyễn Xuân Nghĩa	01/02/1999	24667	14/11/2025	200,000
875	Phạm Nhật Tuệ	08/01/2000	24671	14/11/2025	200,000
876	Bùi Thị Thúy Bình	11/09/1971	24672	14/11/2025	200,000
877	Phan Huy Hoàng	16/07/1978	24674	14/11/2025	200,000
878	Trần Thị Diễm	15/07/1995	19258	13/03/2023	100,000
879	Trần Chung Kiên	17/07/1993	19392	06/04/2023	100,000
880	Lương Tuấn Anh	25/02/1994	19657	29/08/2025	100,000
881	Vũ Thị Thúy	17/05/1994	19680	12/06/2023	100,000
882	Nguyễn Ngọc Thủy	12/08/1991	19681	12/06/2023	100,000
883	Đoàn Văn Tùng	01/11/1978	20101	25/09/2023	100,000
884	Dư Văn Giang	02/07/1986	20135	03/10/2023	100,000
885	Nguyễn Xuân Hùng	16/07/1962	20535	08/12/2023	100,000
886	Ngô Diệu Thanh	17/06/1987	20553	08/12/2023	100,000
887	Trần Ngọc Chung	25/06/1965	20828	18/03/2024	100,000
888	Phạm Mai Hồng	01/07/1989	21737	13/08/2024	100,000
	Tổng cộng:				1,780,700,000

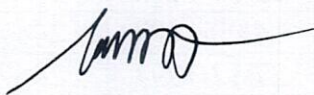
(Bằng chữ: Một tỷ bảy trăm tám mươi triệu bảy trăm nghìn đồng)

Người lập



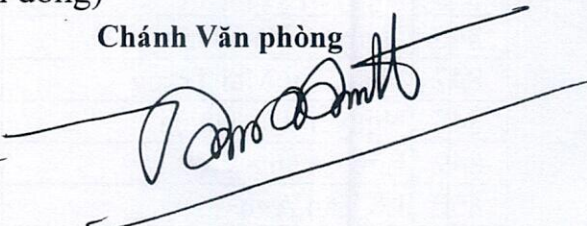
Trần Kim Chung

Phụ trách Kế toán



Phạm Thanh Xuân

Chánh Văn phòng



Nguyễn Xuân Anh